



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

16

Tháng 8 - 2013

**Hội nghị sơ kết công tác
6 tháng đầu năm 2013 các kiểm soát viên
Bộ Xây dựng**

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Thứ trưởng Trần Văn Sơn chủ trì Hội nghị

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BỐN

16

SỐ 16- 8/2013



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 1114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020 5
- Thông tư số 11/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản 7
- Thông tư số 12/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy định tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế 11
- Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Vạn Tường 13
- Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh 15
- Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà ở sinh viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội 17

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị nghiệm thu Dự án "Quy hoạch sắp xếp và định hướng phát triển gốm sứ xây dựng và đá ốp lát đến năm 2020" 19
- Thông tin về Diễn đàn lần thứ V của ACI: Sự bền vững của bê tông - Cân bằng độ an toàn và độ bền vững, phản ứng với những tác động của môi trường 20
- Công nghệ xây khung lắp ghép liền khối trong xây nhà theo phương pháp công nghiệp tại Nga và các nước SNG 22
- Những ưu điểm và nhược điểm của nhà panel tấm lớn hiện nay 25
- Đốt rác phát điện trở thành xu thế mới tại Trung Quốc 29
- Ô nhiễm môi trường trong nhà và phương pháp xử lý 31

Thông tin

- Những vấn đề khó khăn trong công tác trung thu nhà ở và các chính sách được đưa ra ở Trung Quốc 34
- Trung Quốc với xu hướng phát triển vật liệu tiết kiệm năng lượng mới thấp cacbon 38
- Xu hướng trong xử lý rác thải - Bài học từ Ấn Độ 40
- Quản lý chi phí dự án bằng hệ thống lưới mạng 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 1114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020

Ngày 09/7/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020 với quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội Vùng phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và định hướng Chiến lược biển Việt Nam, đảm bảo thống nhất với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, nhất là lợi thế về công nghiệp, dịch vụ và kinh tế biển, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, có các giải pháp chủ động phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển đồng bộ hệ thống các đô thị, khu dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng thân thiện với môi trường, tập trung xây dựng các đô thị có điều kiện và lợi thế làm hạt nhân lan tỏa thúc đẩy phát triển và trở thành các trung tâm kinh tế của từng tiểu vùng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực và giữa các đồng bào dân tộc trong Vùng; tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến; kết hợp chặt chẽ việc phát

triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, đảm bảo công tác phòng thủ tuyến biên giới trên đất liền và trên biển.

Mục tiêu tổng quát là xây dựng vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung trở thành khu vực phát triển năng động, nhanh và bền vững, là một đầu cầu quan trọng của cả nước trong giao lưu hợp tác quốc tế, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước.

Cụ thể, đối với mục tiêu về kinh tế, quy mô GDP của vùng năm 2020 gấp khoảng 2,2 lần năm 2010 (tính theo giá so sánh), tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 9%/năm giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 53 triệu đồng, tương đương 2.500 USD bằng khoảng 76% mức bình quân đầu người của cả nước. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng phát triển theo chiều sâu, tập trung khai thác các lợi thế so sánh của vùng, tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP tăng từ 35,7% năm 2010 lên 38,6% năm 2015 và 41,9% năm 2020, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng từ 37,2% năm 2010 lên 38,1% năm 2015 và 39,9% năm 2020, tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP giảm từ 27,1% năm 2010 xuống 23,2% vào năm 2015 và 18,2% năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2020 còn khoảng 32%. Đến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đạt trên 10 tỉ USD, tăng 16 - 18%/năm, giai đoạn 2016 -

2020 giữ nhịp tăng trưởng của xuất khẩu trên mức 20%/năm, tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20 - 25%/năm.

Về văn hóa - xã hội, tốc độ tăng dân số của Vùng giai đoạn đến năm 2020 duy trì bình quân khoảng 1,1%/năm, đến năm 2015 dân số của Vùng khoảng 20 triệu người và khoảng 21,2 triệu người vào năm 2020, tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới của Vùng giảm bình quân 2 - 3%/năm; giải quyết việc làm cho khoảng 400 nghìn lao động (giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 180 nghìn, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 220 nghìn), phấn đấu đến năm 2020 tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4,5%, tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 85%, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% vào năm 2015 và đạt trên 65% vào năm 2020; tỉ lệ đô thị hóa đạt 32% vào năm 2015 và 42% vào năm 2020, quy mô dân số đô thị của Vùng sẽ đạt khoảng 6,5 triệu người vào năm 2015 và 9 triệu người vào năm 2020.

Về bảo vệ môi trường, mục tiêu đến năm 2020 có trên 95% dân số nông thôn và 100% dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh; phấn đấu đến năm 2020 các đô thị loại IV trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; nâng độ che phủ rừng từ 47,8% năm 2010 lên 58% vào năm 2020, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra, bảo vệ hệ sinh thái biển, ven biển và đa dạng sinh học, hệ thống các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, chủ động phòng, tránh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của bão, lũ, thiên tai, biến đổi khí hậu.

Quy hoạch này nêu rõ định hướng phát triển công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của Vùng như đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền, cơ khí chế tạo, dệt may, da giày, sản xuất xi măng, chế biến thủy sản, mía đường...; hình thành các trung tâm công nghiệp

lớn ở các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định; từng bước tạo dựng, phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin để hỗ trợ cho các ngành công nghiệp khác phát triển; tập trung nguồn lực để đẩy nhanh việc phát triển công nghiệp hóa dầu thành một trong các trụ cột công nghiệp của Vùng và cả nước; chú trọng phát triển công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, sử dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, phát triển tiểu thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành nghề truyền thống như sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ mộc dân dụng, chế biến lương thực, thực phẩm; tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu kinh tế nhằm thu hút các doanh nghiệp đến đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; phát triển các cụm công nghiệp dọc các tuyến đường ngang nối liền các tỉnh trong Vùng với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên nhằm cung ứng các sản phẩm tiêu dùng cho vùng Tây Nguyên và tiếp nhận nguyên liệu từ nông, lâm nghiệp, phục vụ cho công nghiệp chế biến, gắn phát triển công nghiệp với hình thành các điểm đô thị ở khu vực nông thôn.

Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi và đê biển, phát triển đồng bộ mạng lưới đô thị và điểm dân cư nông thôn. Cụ thể, về giao thông đường bộ, ưu tiên đầu tư nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 1A, quy mô 4 làn xe, có giải phân cách và đường dành riêng cho xe máy, đến năm 2015 hoàn thành cơ bản một số đoạn trọng điểm và đến năm 2016 hoàn thành nâng cấp toàn tuyến; nâng cấp các tuyến giao thông hành lang kinh tế Đông - Tây, xây dựng đường vành đai biên giới và hệ thống đường phía Tây của các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Nam, hoàn thiện việc đầu tư tuyến đường ven biển, xây dựng đường Trường Sơn Đông từ Đà Nẵng đến Lâm Đồng, nâng cấp và hoàn thiện toàn bộ các tuyến Quốc lộ còn lại

trong Vùng; từng bước xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam quy mô 6 - 8 làn xe; cải tạo nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam đạt cấp tiêu chuẩn kỹ thuật đường sắt quốc gia, đầu tư, trang bị kỹ thuật đảm bảo chạy tàu đạt tốc độ 90 - 120 km/h, nghiên cứu các phương án khả thi xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Về cảng biển, rà soát lại quy hoạch hệ thống cảng biển, tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ cả bến cảng, luồng vào cảng, hệ thống dịch vụ hỗ trợ cảng, giao thông liên kết cảng với hệ thống giao thông quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng. Về hàng không, hoàn thành cơ bản việc nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới một số cảng hàng không, đồng bộ và hiện đại hóa các cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh.

Về cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường, xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của các đô thị, nghiên cứu xây dựng các dự án cấp nước phù hợp đối với các khu vực nông thôn, ven biển và hải đảo; xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt, nước ngầm trong toàn vùng để kiểm tra, giám sát độ ô nhiễm của nguồn nước; đầu tư nâng cấp, xây mới đồng bộ hệ thống thoát nước thải, nước mưa tại các đô thị, đảm bảo nước thải sinh hoạt, sản xuất tại các khu công nghiệp, bệnh viện, làng nghề được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra hệ thống tập trung; thu gom và xử lý rác thải tập trung nhằm hạn chế tình trạng ô

nhiễm môi trường; ở mỗi tỉnh trong Vùng xây dựng ít nhất một khu xử lý chất thải rắn theo công nghệ tiên tiến để tái chế, hạn chế biện pháp chôn lấp nhằm tiết kiệm đất và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Về phương hướng tổ chức không gian, phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu công nghiệp, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm, tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong Vùng với các vùng lân cận; đầu tư phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng tại các đô thị hạt nhân cấp Vùng như thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế, thành phố Vinh, thành phố Nha Trang, đầu tư nâng cấp phát triển các đô thị vừa, các đô thị nhỏ và các đô thị mới trở thành hạt nhân tăng trưởng của Vùng; tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị gắn với hạ tầng dịch vụ thương mại tại các đô thị, hình thành một số trung tâm thương mại lớn đa dạng về chủng loại hàng hóa tại các đô thị, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân và khách du lịch.

Quyết định này cũng nêu rõ các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch, bao gồm giải pháp về vốn đầu tư, về cơ chế, chính sách, về nguồn nhân lực, về khoa học và công nghệ, về cải cách hành chính và về tăng cường hợp tác, phát triển thị trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Thông tư số 11/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản

Ngày 31/7/2013, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 11/2013/TT-BXD quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản.

Các loại dự án bất động sản phải báo cáo theo quy định tại Thông tư này bao gồm: Dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp; dự án

hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, khách sạn; dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Thông tư này quy định báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bất động sản ở địa phương bao gồm các nội dung: Báo cáo tổng hợp thông tin cơ bản của các dự án bất động sản trên địa bàn; báo cáo tổng hợp về tình hình triển khai đầu tư xây dựng các dự án bất động sản trên địa bàn; báo cáo tổng hợp về tình hình giải phóng mặt bằng của các dự án bất động sản trên địa bàn; báo cáo tổng hợp về tình hình kinh doanh bất động sản tại các dự án bất động sản trên địa bàn; báo cáo về tình hình giao dịch bất động sản và thu ngân sách từ đất đai và từ giao dịch bất động sản. Trong các báo cáo tổng hợp nêu trên cần ghi rõ các trường hợp chủ đầu tư có sai phạm trong quá trình triển khai dự án bất động sản để xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị UBND cấp tỉnh biện pháp xử lý phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản.

Theo Thông tư này, báo cáo của các chủ đầu tư dự án bất động sản bao gồm các nội dung: Báo cáo tổng hợp thông tin cơ bản của các dự án bất động sản (báo cáo các nội dung cơ bản của dự án theo văn bản chấp thuận đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định cho phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi dự án có điều chỉnh, bổ sung thì chủ đầu tư các dự án bất động sản có trách nhiệm lập báo cáo bổ sung những nội dung điều chỉnh); báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng dự án (báo cáo về tình hình giải phóng mặt bằng, tình hình đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, tình hình đầu tư xây dựng công trình); báo cáo về tình hình kinh doanh tại dự án (tình hình huy động vốn, thực hiện nghĩa vụ tài chính, bán nhà, cho thuê nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất... Đối với các dự án đã hoàn thành quá trình đầu tư xây dựng, chủ đầu tư tiếp tục báo cáo

tình hình kinh doanh tại dự án cho đến khi bán, cho thuê toàn bộ bất động sản được phép kinh doanh trong dự án); báo cáo kết thúc đầu tư xây dựng dự án (báo cáo về nội dung chính của dự án sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng).

Thông tư này quy định Sở Xây dựng các địa phương có trách nhiệm kiểm tra về nội dung báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn; Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản kiểm tra báo cáo của các Sở Xây dựng và phối hợp với Sở Xây dựng các địa phương kiểm tra tình hình triển khai các dự án bất động sản để phục vụ công tác quản lý nhà nước. Chủ đầu tư các dự án bất động sản không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo quy định tại Thông tư này bị xử lý như sau: Vi phạm lần thứ nhất, Sở Xây dựng địa phương gửi văn bản nhắc nhở tới chủ đầu tư; vi phạm lần thứ hai, công khai thông tin về hành vi vi phạm lên trang tin điện tử của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh/thành phố, Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án bất động sản và thông báo đến chủ đầu tư (nếu có); đồng thời bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm, Thông tư này quy định Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Bộ Xây dựng phải tổng hợp các số liệu báo cáo theo quy định của Thông tư này và báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh tại các dự án bất động sản trên phạm vi cả nước; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra tình hình triển khai các dự án bất động sản. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn và đôn đốc chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn thực hiện nghiêm túc việc báo cáo theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2013.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 12/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy định tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng

Ngày 31/7/2013, Bộ Xây dựng đã có Thông tư số 12/2013/TT-BXD ban hành Quy định tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

Quy định này hướng dẫn chi tiết việc tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng, bao gồm: Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được quy định tại Quy chế Tổ chức Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2012/QĐ-TTg ngày 06/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ; giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng do Bộ Xây dựng quy định (sau đây gọi là Giải thưởng Công trình chất lượng cao) theo Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Công trình được đăng ký tham dự xét thưởng phải đảm bảo: Là các loại công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật từ cấp III trở lên (việc xác định các cấp công trình xây dựng theo Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/06/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng); là công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng tối thiểu hết thời gian bảo hành đối với công trình tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng và tối thiểu 12 tháng đối với công trình tham dự Giải thưởng Công trình chất lượng cao tính đến thời điểm đăng ký tham dự xét thưởng; là công trình không vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, đấu thầu, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan. Công trình đăng ký tham dự nhưng không đạt Giải thưởng

Công trình chất lượng cao thì không được đăng ký tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng.

Về nguyên tắc, việc đăng ký tham dự xét, tặng giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Hoạt động xét và trao tặng giải thưởng phải đảm bảo công khai, khách quan, công bằng theo phương pháp chuyên gia đánh giá, cho điểm trên cơ sở các tiêu chí xét thưởng quy định tại Quy định này.

Theo Thông tư này, tiêu chí xét tặng Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng bao gồm: Chất lượng công trình 55 điểm; an toàn trong thi công xây dựng, an toàn phòng, chống cháy, nổ và việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường 9 điểm; công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình, sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, các quy trình, quy phạm trong xây dựng 18 điểm; việc thực hiện đúng tiến độ xây dựng công trình đã được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt 5 điểm; ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng 8 điểm; đánh giá của người quản lý, sử dụng công trình và dư luận xã hội về chất lượng công trình tham dự giải thưởng 5 điểm. Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được xét tặng cho các công trình đạt từ 85 điểm trở lên, đồng thời số điểm về chất lượng công trình tối thiểu phải đạt 50 điểm. Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì tổ chức Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng. Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ xây dựng, là Cơ quan Thường trực của Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng, có nhiệm vụ, quyền hạn: Đề xuất các chương trình, kế hoạch, dự án về Giải thưởng Quốc gia về chất

lượng công trình xây dựng trình Bộ Xây dựng; chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Giải thưởng; chủ trì xây dựng và hướng dẫn thực hiện các văn bản, tài liệu nghiệp vụ về Giải thưởng; tiếp nhận bản đăng ký và hồ sơ tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng của các đơn vị; lập danh sách và thành viên Hội đồng Quốc gia trên cơ sở đề nghị của các Bộ và cơ quan liên quan, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định; đề nghị danh sách các thành viên Tổ chuyên gia trình Chủ tịch Hội đồng Quốc gia quyết định; tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền về Giải thưởng. Hội đồng Quốc gia xét tặng Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập theo đề nghị của các Bộ và cơ quan liên quan với thành phần quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 36/2012/QĐ-TTg. Hội đồng Quốc gia làm việc theo nguyên tắc bàn bạc thống nhất của các thành viên có mặt. Các phiên họp của Hội đồng Quốc gia phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các quyết định của Hội đồng Quốc gia chỉ có giá trị khi được ít nhất 3/4 số thành viên có mặt bỏ phiếu kín đồng ý. Tổ Chuyên gia do Chủ tịch Hội đồng Quốc gia quyết định thành lập theo đề nghị của Cơ quan Thường trực của Giải thưởng với thành phần quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 36/2012/QĐ-TTg. Đối với các công trình xây dựng chuyên ngành mời chuyên gia của Hội nghề nghiệp liên quan. Tổ Chuyên gia làm việc theo nguyên tắc bàn bạc thống nhất của các thành viên có mặt. Các phiên họp của Tổ Chuyên gia phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các quyết định của Tổ Chuyên gia chỉ có giá trị khi được ít nhất 3/4 số thành viên có mặt bỏ phiếu kín đồng ý.

Việc giới thiệu và đăng ký tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 1

Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 36/2012/QĐ-TTg. Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính, tổng thầu thi công xây dựng nộp 03 bộ hồ sơ đăng ký công trình tham dự Giải thưởng trước ngày 01/8 của năm tổ chức giải thưởng. Khuyến khích việc đăng ký từ khi khởi công xây dựng công trình. Nội dung hồ sơ đăng ký bao gồm: Bản đăng ký tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng (theo mẫu); văn bản giới thiệu công trình xây dựng của các Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh (hoặc Sở Xây dựng nếu được ủy quyền); báo cáo giới thiệu chung về công trình; báo cáo tự đánh giá của chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính, tổng thầu thi công xây dựng thể hiện việc đáp ứng các tiêu chí xét thưởng tại Quy định này; biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, các văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ, an toàn môi trường, an toàn vận hành theo quy định của pháp luật; nhận xét, đánh giá của đơn vị quản lý, sử dụng về chất lượng công trình; các ảnh chụp minh họa về công trình, video clip và ảnh chụp trong quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có); xác nhận của chủ đầu tư về việc hoàn thành công tác bảo hành công trình xây dựng.

Về trình tự, thủ tục xét tặng Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng, Thông tư này quy định: Tổ Chuyên gia phối hợp với Cơ quan Thường trực Giải thưởng xem xét các hồ sơ đăng ký, chọn ra những hồ sơ đủ điều kiện để xét tuyển và tiến hành công tác đánh giá theo phương thức đánh giá trên hồ sơ và đánh giá tại chỗ. Căn cứ các tiêu chí xét thưởng, các chuyên gia thực hiện việc đánh giá độc lập và tiến hành chấm điểm đối với từng công trình. Căn cứ kết quả đánh giá trên hồ sơ và đánh giá tại chỗ, Tổ Chuyên gia họp trao đổi, thống nhất lập danh sách các công trình được đề xuất vào vòng chung tuyển và gửi các

hồ sơ liên quan lên Hội đồng Quốc gia trước ngày 01/10 của năm tổ chức giải thưởng. Hội đồng Quốc gia thực hiện công tác đánh giá, thẩm định các hồ sơ đánh giá và đề xuất của Tổ Chuyên gia, xét chọn các công trình chất lượng cao tiêu biểu để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, lập danh sách đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Giải thưởng. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Quốc gia thực hiện đánh giá, thẩm định tại công trình.

Tiêu chí xét tặng Giải thưởng Công trình chất lượng cao bao gồm: Chất lượng công trình 55 điểm; an toàn trong thi công xây dựng, an toàn phòng, chống cháy, nổ và việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường 9 điểm; công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình, sự tuân thủ các quy định

về quản lý chất lượng, các quy trình, quy phạm trong xây dựng 18 điểm; việc thực hiện đúng tiến độ xây dựng công trình đã được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt 5 điểm; ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng 8 điểm; đánh giá của người quản lý, sử dụng công trình và dư luận xã hội về chất lượng công trình tham dự Giải thưởng 5 điểm. Giải thưởng Công trình chất lượng cao được xét tặng cho các công trình đạt từ 70 điểm trở lên, đồng thời số điểm về chất lượng công trình tối thiểu phải đạt 40 điểm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2013.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 03/7/2013, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Quy chế này được áp dụng đối với các loại nhà chung cư và nhà nhiều tầng có mục đích sử dụng hỗn hợp mà có phần diện tích là nhà ở.

Theo Quy chế này, các nhà chung cư đều phải có Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư với những nội dung chính như sau: Trách nhiệm của các tổ chức (Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý nhà chung cư, doanh nghiệp quản lý vận hành và Ban quản trị) trong quản lý sử dụng nhà chung cư theo quy định của Quy chế này; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp nhà chung cư; các hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng nhà chung cư; các khoản phí, mức phí phải đóng

góp dùng cho công tác quản lý vận hành, bảo trì nhà chung cư và các loại phí hợp lý khác; xác định danh mục, vị trí, diện tích và quy mô các phần sở hữu riêng trong nhà chung cư, phần sở hữu, sử dụng chung trong và ngoài nhà chung cư; quy định về việc sửa đổi, bổ sung Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư và một số quy định khác.

Bảo trì nhà chung cư bao gồm việc duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, sửa chữa vừa và sửa chữa lớn nhằm duy trì chất lượng của nhà chung cư. Việc bảo trì được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Việc bảo trì nhà chung cư phải do tổ chức có tư cách pháp nhân

có chức năng về hoạt động xây dựng phù hợp với nội dung công việc bảo trì.

Quy chế này quy định Ban quản trị nhà chung cư có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của những người sử dụng nhà chung cư trong việc sử dụng nhà chung cư, kiểm tra đôn đốc người sử dụng nhà chung cư thực hiện đúng Bản nội quy quản lý sử dụng và các quy định của pháp luật về quản lý sử dụng nhà chung cư, tạo điều kiện để doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư hoàn thành tốt nhiệm vụ theo nội dung hợp đồng đã ký kết; thu thập, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của người sử dụng liên quan việc quản lý sử dụng để phản ánh với doanh nghiệp quản lý vận hành, cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có liên quan xem xét giải quyết; ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư và hợp đồng bảo trì doanh nghiệp có tư cách pháp nhân về xây dựng, theo dõi, giám sát việc quản lý vận hành và bảo trì nhà chung cư theo nội dung hợp đồng đã ký kết để quản lý vận hành và bảo trì nhà chung cư, nghiệm thu, thanh toán và thanh lý hợp đồng với doanh nghiệp quản lý vận hành, bảo trì nhà chung cư; trực tiếp thu hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp quản lý vận hành thu kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư; kiểm tra các báo cáo thu, chi tài chính về quản lý vận hành và bảo trì nhà chung cư do doanh nghiệp quản lý vận hành, doanh nghiệp bảo trì thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và báo cáo với Hội nghị nhà chung cư theo quy định tại Quy chế này; phối hợp với chính quyền địa phương, tổ dân phố trong việc xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong nhà chung cư được giao quản lý.

Trong quản lý sử dụng nhà chung cư, đối với nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu thì Chủ đầu tư có quyền và trách nhiệm sau: Lựa chọn và ký hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng và chuyên môn để quản lý vận hành nhà chung cư kể từ khi đưa nhà chung cư vào sử dụng cho đến khi Ban quản trị được thành lập; thu kinh

phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư theo quy định tại Khoản 1, Điều 51, Nghị định 71/2010/NĐ-CP và thực hiện quản lý kinh phí bảo trì nhà chung cư theo quy định tại Quy chế này; bàn giao hệ thống kết cấu hạ tầng bên ngoài nhà chung cư cho cơ quan quản lý chuyên ngành ở địa phương theo quy định; hướng dẫn việc sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị trong nhà chung cư cho người sử dụng nhà chung cư.

Doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư có trách nhiệm và quyền hạn sau: Thực hiện cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo hợp đồng đã ký, đảm bảo an toàn, tiêu chuẩn, quy phạm quy định; ký kết hợp đồng phụ với các doanh nghiệp khác cung cấp dịch vụ cho nhà chung cư, giám sát việc cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với các doanh nghiệp nêu trên để đảm bảo thực hiện theo hợp đồng đã ký; thông báo bằng văn bản về những yêu cầu, những điều cần chú ý cho người sử dụng khi bắt đầu sử dụng nhà chung cư, hướng dẫn việc lắp đặt các trang thiết bị thuộc phần sở hữu riêng vào hệ thống trang thiết bị dùng chung trong nhà chung cư; định kỳ kiểm tra cụ thể, chi tiết, bộ phận của nhà chung cư để thực hiện việc quản lý vận hành nhà chung cư; thực hiện ngay việc ngăn ngừa nguy cơ gây thiệt hại cho người sử dụng nhà chung cư và sửa chữa bất kỳ chi tiết nào của phần sở hữu chung hoặc trang thiết bị dùng chung trong nhà chung cư bị hư hỏng, đảm bảo cho nhà chung cư hoạt động bình thường.

Việc bảo trì nhà chung cư được tiến hành theo nguyên tắc: Chủ sở hữu có trách nhiệm bảo trì đối với phần sở hữu riêng của mình. Trong trường hợp người sử dụng không phải là chủ sở hữu muốn thực hiện việc bảo trì phần sở hữu riêng thì phải được chủ sở hữu đồng ý bằng văn bản. Chủ sở hữu có trách nhiệm đóng góp đầy đủ khoản kinh phí về bảo trì phần sở hữu chung theo quy định. Việc bảo trì đối với phần sở hữu chung, hệ thống công trình hạ tầng kỹ

thuật và trang thiết bị sử dụng chung do doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng theo quy định tại Quy chế này thực hiện và phải tuân thủ các chỉ dẫn của nhà thiết kế, chế tạo, quy trình, quy phạm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Việc bảo trì nhà chung cư phải bảo đảm an toàn cho người, tài

sản, vệ sinh môi trường, cảnh quan, kiến trúc của nhà chung cư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại
www.thuathienhue.gov.vn)

Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Vạn Tường

Ngày 10/7/2013, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Vạn Tường.

Theo Quy chế này, các công trình trong khu đô thị bảo tồn xây dựng, cải tạo chỉnh trang phải được nghiên cứu đồng bộ, hợp lý và hài hòa với cảnh quan kiến trúc đô thị, mang nét đặc thù riêng của địa phương; tất cả các công trình đều có khoảng không gian thoáng, cây xanh sân vườn phù hợp với cảnh quan xung quanh; đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

Khi tiến hành đầu tư xây dựng cải tạo, chỉnh trang trong khu vực đô thị hiện hữu, chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khi có ý định đầu tư xây dựng cải tạo, chỉnh trang trong khu vực đô thị hiện hữu, chủ đầu tư cần liên hệ với cơ quan quản lý quy hoạch để được cung cấp các thông tin về kiến trúc - quy hoạch tại vị trí dự kiến đầu tư dự án đúng theo quy định. Trên cơ sở các thông tin về kiến trúc - quy hoạch được cung cấp, trong trường hợp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án (trừ trường hợp xây dựng nhà ở riêng lẻ) tiếp tục tiến hành lập hồ sơ, trình cấp thẩm quyền xem xét cho phép đầu tư theo đúng quy định hiện hành. Đối với những khu vực chưa có quy

hoạch chi tiết xây dựng 1:500 được duyệt, việc quản lý đầu tư xây dựng thực hiện theo đồ án quy hoạch chi tiết 1:2.000 đã được phê duyệt. Trong trường hợp các chỉ tiêu kỹ thuật chưa rõ ràng thì căn cứ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Về quản lý các công trình bảo tồn, Quy chế này quy định: Đối với các di tích lịch sử đặc biệt trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến, cần chú trọng việc cấm biển, dựng bia, để có tác dụng ghi nhận sự kiện lịch sử và tác động mạnh mẽ đến người tham quan; đối với các công trình văn hóa, cần bảo quản, gia cố cấp thiết các di tích khỏi bị đổ nát, giữ nguyên trong các di tích, tiến hành khảo sát toàn diện, lập hồ sơ khoa học, lập kế hoạch và đồ án tu bổ, lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật và các phương án tu bổ, tôn tạo; đối với cảnh quan thiên nhiên, cần nghiên cứu, bảo vệ, bảo quản, tu bổ và tổ chức phát huy, khai thác di tích.

Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng. Các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thỏa thuận. Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng, ở những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn. Nhà thầu, chủ đầu tư và các bên liên quan phải thường xuyên kiểm tra

giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Nhà thầu thi công xây dựng phải có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định cùng với việc đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động. Trường hợp thi công xây dựng tại các khu vực có mật độ xây dựng cao, có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác kế cận, chủ đầu tư và nhà thầu thi công phải phối hợp với các chủ sử dụng công trình kế cận đánh giá hiện trạng cho từng công trình, đồng thời lập biện pháp thi công phù hợp, đảm bảo an toàn, không ảnh hưởng đến các công trình kế cận. Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động, và bảo đảm môi trường xung quanh, bao gồm các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và thu dọn hiện trường. Đối với những công trình xây dựng trong các khu vực đô thị phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn chất thải đưa đến nơi quy định. Quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

Đối với khu đô thị mới, khi lập quy hoạch chi tiết 1:500 những khu vực triển khai dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết 1:2.000 đã được phê duyệt. Việc bố trí, tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo các yêu cầu sau: Mạng lưới giao thông được thiết kế thành một hệ thống thống nhất, đảm bảo mối liên kết giữa các khu chức năng, vận chuyển nhanh, an toàn; sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn cho toàn bộ đô thị, tận dụng các hồ, ao hiện có hoặc xây dựng các hồ điều tiết nước mưa, lợi dụng độ dốc địa hình và các dòng chảy tự nhiên tổ chức mạng thoát nước mưa tự chảy, giảm chiều sâu chôn ống, không được xây dựng các công trình lên hệ thống thoát nước, không được đổ phế thải, rác thải vào hệ thống thoát nước; sử dụng hệ thống

thoát nước thải riêng và có hệ thống xử lý nước thải cho toàn bộ đô thị, các khu dân cư xây dựng phải có hệ thống thoát nước thải, không xả trực tiếp nước thải chưa xử lý ra hệ thống thoát nước mưa hoặc sông, suối, nước thải sau khi xử lý phải đạt các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh theo quy định.

Theo Quy chế này, tùy theo tính chất của trục đường và tính chất sử dụng phần đất hai bên đường mà quyết định cho khoảng lùi của công trình kiến trúc phù hợp với yêu cầu tính chất cảnh quan. Tầng cao xây dựng công trình phải tuân thủ theo quy hoạch được duyệt. Độ cao tối đa của công trình kiến trúc được tính từ độ cao mặt vỉa hè khu vực quy định đến giới hạn cao nhất phần xây dựng của công trình, không được xây dựng, lắp đặt thêm các vật thể kiến trúc khác cao hơn độ cao cho phép. Các công trình xây dựng phải tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch khu đất xây dựng. Vật liệu và màu sắc mặt đứng công trình sử dụng màu sắc, trang trí phù hợp với văn hóa của địa phương. Khuyến khích thiết kế truyền thống phù hợp điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm từ những công trình có quy mô nhỏ đến quy mô lớn. Phạm vi giới hạn các công trình xây dựng trong khu chung cư, thương mại và văn phòng là khoảng trống có thể sử dụng liên hoàn với hè đường, phải thiết kế đồng bộ với giao thông. Không gian khoảng lùi mặt tường của các công trình dọc hai bên đường cần phải hình thành để đảm bảo cảnh quan liên tục. Công trình kiến trúc xây mới tại các lô đất có góc tạo bởi các cạnh đường phố giao nhau phải đảm bảo không cản trở tầm nhìn, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho người tham gia giao thông. Các công trình điểm nhấn trong khu vực đô thị Vạn Tường được quy hoạch xây dựng thành các trung tâm công cộng nằm trên các trục hướng ra biển, các công viên, quảng trường là nơi tập trung đông người, tạo ra những điểm ngắm cảnh thuận lợi hướng ra biển và các khu vực xung quanh.

Ngoài quy định quản lý quy hoạch, kiến trúc,

cảnh quan đô thị trên phạm vi toàn đô thị Vạn Tường, Quy chế này còn kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển của khu đô thị, quy định cụ thể trách nhiệm quản lý quy hoạch, kiến trúc của các cấp chính quyền, kiểm soát sử dụng đất đai, bảo vệ, tôn tạo và khai thác sử dụng các công trình theo đúng Quyết định số 124/QĐ-TTG ngày 20/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất

tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 13/02/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng điều chỉnh và thiết kế Khu đô thị mới Vạn Tường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.quangngai.gov.vn)

Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 22/7/2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này đã sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 7 như sau: UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng, bao gồm: Quy hoạch vùng tỉnh, vùng liên huyện, vùng huyện và các vùng khác trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh (vùng cảnh quan, vùng bảo tồn di sản...); quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV, V và đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại IV, V, đối với đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án đầu tư xây dựng, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 và Điểm b Khoản 4 Điều này.

Điểm b Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định

nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh, bao gồm: Quy hoạch vùng tỉnh, vùng liên huyện, vùng huyện và các vùng khác trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh (vùng cảnh quan, vùng bảo tồn di sản...); quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV, V và đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại IV, V, đối với đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV trước khi thẩm định phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án đầu tư xây dựng, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 và Điểm b Khoản 4 Điều này.

Quyết định này cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 7. Cụ thể, Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Ban Quản lý Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu các chức năng phù hợp với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được phê duyệt, quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án do Ban Quản lý hoặc đơn vị trực thuộc Ban Quản

lý được giao làm chủ đầu tư, trình Sở Xây dựng thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án thuộc Khu kinh tế do Ban cấp Giấy chứng nhận đầu tư có quy mô chiếm đất dưới 20 ha thuộc 2 Khu kinh tế và các khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt (trừ các dự án do Ban Quản lý hoặc đơn vị trực thuộc Ban làm chủ đầu tư). Đối với các dự án có quy mô từ 5 ha đến 20 ha, trước khi phê duyệt phải quy hoạch dự án, Ban Quản lý Khu kinh tế phải lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Sở Xây dựng. Nếu dự án có liên quan đến các Sở, ngành khác thì Ban Quản lý Khu kinh tế lấy ý kiến các Sở, ngành. Thời hạn góp ý trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quá thời hạn trên, cơ quan được hỏi ý kiến không có ý kiến trả lời thì được coi là đồng ý với nội dung lấy ý kiến. Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về quy hoạch do Ban quản lý thẩm định, phê duyệt.

Cũng theo Quyết định này, Điểm b, c Khoản 4 Điều 7 đã được sửa đổi, bổ sung như sau: UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới thuộc địa giới hành chính mình quản lý; quy hoạch khu dân cư đô thị có quy mô dưới 3 ha đối với thị trấn, dưới 5 ha đối với thành phố, thị xã; quy hoạch điểm dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và đề án phát triển quỹ đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trước khi phê duyệt UBND cấp huyện phải lấy ý kiến góp ý của Sở Xây dựng và các Sở chuyên ngành liên quan. Thời hạn góp ý kiến trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quá thời hạn trên, cơ quan được hỏi ý kiến không có ý

kiến trả lời thì được coi là đồng ý với nội dung lấy ý kiến. Ngoài ra, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án có quy mô dưới 5 ha nằm trong khu đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các dự án do cá nhân làm chủ đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có quy mô dưới 5 ha, phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và quy hoạch ngành có liên quan. Trước khi phê duyệt, UBND cấp huyện phải lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng, sau thời gian 7 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ), nếu Sở Xây dựng không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với quy hoạch.

Khoản 6 Điều 7 về chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng được sửa đổi, bổ sung như sau: Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (đối với dự án không phải lập quy hoạch chi tiết) khu vực được giao đầu tư, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Quyết định này cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 13 về thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới, triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa. Cụ thể như sau: Chủ đầu tư lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và phát triển cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy hoạch. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch xây dựng theo phân cấp đồng thời là cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch.

Trình tự cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng được quy định tại Khoản 3 Điều 16 đã được Quyết định này sửa đổi, bổ sung như sau: Tổ chức cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ xin cấp chứng

chỉ quy hoạch tại cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện). Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng bao gồm: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng, sơ đồ vị trí và bản đồ đo đạc tỉ lệ 1:500 hoặc tỉ lệ 1:200 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp

huyện theo phân cấp, có trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp chứng chỉ quy hoạch trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

(Xem toàn văn tại www.hatinh.gov.vn)

Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà ở sinh viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Ngày 01/8/2013, UBND Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà ở sinh viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Theo Quy chế này, nhà ở sinh viên chỉ được đưa vào quản lý sử dụng, vận hành khai thác khi đã được: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao theo các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều 11 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì nhà ở sinh viên do nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập theo quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Việc bảo hành nhà ở sinh viên được thực hiện theo cam kết trong hợp đồng giữa chủ đầu

tư và đơn vị thi công xây dựng, đơn vị cung ứng thiết bị và đảm bảo theo quy định tại Điều 74 Luật Nhà ở. Bảo trì nhà ở sinh viên là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của nhà ở sinh viên theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng. Bảo trì nhà ở sinh viên bao gồm duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, sửa chữa vừa, sửa chữa lớn và sửa chữa đột xuất nhằm duy trì chất lượng của nhà ở sinh viên. Việc bảo trì được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng. Sở Xây dựng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo trì, chi phí cho công tác bảo trì đối với nhà ở sinh viên, trình UBND Thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện việc bảo trì theo quy định của pháp luật.

Theo Quy chế này, sinh viên có nhu cầu thuê nhà ở phải làm đơn đề nghị theo mẫu quy định, cam kết trả tiền thuê nhà đầy đủ, đúng thời hạn và tuân thủ nội quy sử dụng nhà ở cho thuê. Trong đơn đề nghị phải có xác nhận là sinh viên của cơ sở giáo dục đào tạo. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên có trách nhiệm thông báo cho các cơ sở giáo dục đào tạo và trên phương tiện thông tin đại chúng về địa điểm, số lượng chỗ ở, địa chỉ nhận đơn và thời gian nhận đơn, đồng thời báo cáo Sở Xây dựng để công bố công khai trên website của Sở

Xây dựng. Cơ sở giáo dục đào tạo thông báo cho sinh viên biết tại các kỳ thi tuyển sinh thông qua việc niêm yết tại cơ sở giáo dục đào tạo và trong giấy báo nhập học về các thông tin liên quan đến việc thuê nhà ở sinh viên. Sinh viên có nhu cầu thuê nhà ở gửi đơn đề nghị có xác nhận của cơ sở giáo dục đào tạo, kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc diện ưu tiên (nếu có) đến đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên để được xem xét cho thuê. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên sắp xếp danh sách sinh viên theo thứ tự ưu tiên để thực hiện ký kết hợp đồng cho thuê nhà đảm bảo đúng đối tượng và điều kiện quy định. Thời gian giải quyết thủ tục cho thuê không quá 15 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không bố trí đủ theo nhu cầu thì hướng dẫn sinh viên liên hệ với đơn vị khác để thuê nhà ở (nếu có thông tin). Sau khi ký hợp đồng cho thuê nhà, đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên có trách nhiệm báo cáo danh sách sinh viên đã ký hợp đồng cho Công an phường, xã, thị trấn sở tại để phục vụ công tác đăng ký tạm trú và gửi về Sở Xây dựng để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra.

Quy chế này quy định nguyên tắc xác định giá cho thuê nhà ở sinh viên. Giá cho thuê nhà ở sinh viên tại các dự án được đầu tư bằng ngân sách nhà nước do UBND Thành phố quy định theo nguyên tắc chỉ tính đủ các chi phí quản lý, vận hành và bảo trì. Chi phí quản lý, vận hành và bảo trì nhà ở sinh viên được thu, chi theo nguyên tắc tự thu, tự trang trải và công khai nhằm bảo đảm tốt việc vận hành của khu nhà

ở sinh viên và do đơn vị quản lý, vận hành nhà ở sinh viên chịu trách nhiệm quản lý. Các chi phí sử dụng nhiên liệu, điện, nước và các dịch vụ khác (nếu có) của sinh viên thuê nhà không tính trong giá cho thuê mà do sinh viên trực tiếp chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc trả cho đơn vị quản lý vận hành theo khối lượng thực tế tiêu thụ và các chi phí khác trong quá trình quản lý, vận hành nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không nhằm mục đích kinh doanh.

Nguyên tắc quản lý, vận hành nhà ở sinh viên bao gồm: Nhà ở sinh viên phải được duy trì và quản lý chặt chẽ trong quá trình quản lý vận hành, không được tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng; nhà ở sinh viên phải được đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường; các trang thiết bị của nhà ở sinh viên phải được đảm bảo về yêu cầu ở, học tập sinh hoạt bình thường của sinh viên. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành trực tiếp thu phí sử dụng các dịch vụ hạ tầng như điện, nước, trông giữ tài sản... thì phải đảm bảo nguyên tắc không nhằm mục đích kinh doanh trong hoạt động thu phí này.

Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc vận hành, khai thác nhà ở sinh viên. Việc vận hành, khai thác nhà ở sinh viên phải bảo đảm nguyên tắc sử dụng đúng mục đích và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt ăn, ở, học tập của sinh viên.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)

Hội nghị nghiệm thu Dự án "Quy hoạch sắp xếp và định hướng phát triển gốm sứ xây dựng và đá ốp lát đến năm 2020"

Ngày 13/8/2013 tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng do Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam làm Chủ tịch Hội đồng đã tổ chức nghiệm thu các kết quả của Dự án "Quy hoạch sắp xếp và định hướng phát triển gốm sứ xây dựng và đá ốp lát đến năm 2020" do Th.S Nguyễn Minh Quỳnh - Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ nhiệm Dự án.

Hội đồng đã mời ông Đinh Quang Huy - Chủ tịch Hiệp hội Gốm sứ Xây dựng Việt Nam và TS. Nguyễn Quang Cung - Phó Chủ tịch Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam tham gia phản biện.

Báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu, Th.S Nguyễn Minh Quỳnh cho biết, công nghiệp gốm sứ xây dựng và đá ốp lát có vị trí và vai trò quan trọng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đồng thời đã và đang phát triển rất nhanh, với tổng công suất hiện nay khoảng 435 triệu m² gạch gốm ốp lát, 14,7 triệu sản phẩm sứ vệ sinh và 13,7 triệu m² đá ốp lát/năm.

Qua khảo sát, nghiên cứu cơ sở sản xuất hiện nay trên cả nước có thể thấy: Các doanh nghiệp sản xuất gốm sứ xây dựng và đá ốp lát được hình thành và phát triển nhanh chóng tại nhiều địa phương, với nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Cả nước có 82 cơ sở sản xuất gốm sứ ốp lát, tương ứng 201 dây chuyền, sứ vệ sinh có 27 cơ sở sản xuất, đá ốp lát có 206 tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, chế biến đá ốp lát tự nhiên. Nhìn chung các dây chuyền sản xuất gạch gốm ốp lát và sứ vệ sinh đạt trình độ công nghệ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới, riêng lĩnh vực đá ốp lát công nghệ khai thác và chế biến vẫn còn ở trình độ thấp. Do quá trình phát triển nhanh nên có tình trạng đầu tư tự phát, phân tán, quy mô nhỏ nên không tạo điều kiện cho việc tập trung chuyên môn hóa cao trong sản xuất, dẫn



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

đến chi phí sản xuất cao, lãng phí tài nguyên và năng lượng, hiệu quả sản xuất thấp. Đặc biệt trong những năm gần đây, do khủng hoảng kinh tế và sự trầm lắng của thị trường bất động sản, nên hầu hết các cơ sở sản xuất không phát huy được công suất. Do đó, việc xây dựng quy hoạch sắp xếp và định hướng phát triển gốm sứ xây dựng và đá ốp lát Việt Nam đến năm 2020 là hết sức cần thiết.

Theo nghiên cứu của nhóm Dự án, từ nay đến năm 2020, nhu cầu về xây dựng sẽ phát triển rất mạnh. Dự báo đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam sẽ tăng lên đến 45,24%, dân số sẽ tăng thêm so với hiện nay khoảng 10 triệu người. Nhu cầu về xây dựng nhà ở và cải tạo nhà ở cũ của nhân dân khi đời sống được nâng lên sẽ đòi hỏi lớn khối lượng vật liệu hoàn thiện, là cơ sở cho sự tăng trưởng của lĩnh vực vật liệu xây dựng từ 9 - 10% mỗi năm đến 2020.

Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất phương án quy hoạch sắp xếp, và định hướng phát triển gạch gốm ốp lát, sứ vệ sinh và đá ốp lát ở Việt Nam đến năm 2020 như sau: Đầu tư mới và đầu tư mở rộng khoảng 128 triệu m² công suất vật liệu ốp lát, 6 triệu sản phẩm sứ vệ sinh trong giai đoạn 2016 - 2020 để thỏa mãn nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Trong đó ưu tiên đầu

tư các sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như gạch granit, gạch ốp tường ngoài, gạch cotto, sứ vệ sinh cao cấp.

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng đề xuất quy hoạch sản xuất nguyên liệu, hóa chất và men cho công nghiệp gạch gốm ốp lát, sứ vệ sinh và đá ốp lát.

Nhận xét về báo cáo tổng kết của Dự án, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng cho rằng: Báo cáo đã được soạn thảo công phu, khoa học, dựa trên các số liệu phong phú đã thu thập được đồng thời cho thấy được bức tranh tổng thể về lĩnh vực sản xuất gốm sứ xây dựng và đá ốp lát của Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến để nhóm nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện báo cáo, trong đó có việc bổ sung các căn cứ pháp lý, phân tích rõ hiện trạng để chỉ ra những bất cập cần khắc phục, làm rõ các căn cứ tính toán để đưa ra dự báo nhu cầu về các sản phẩm gốm sứ xây dựng và đá ốp lát đến năm 2015 và 2020, đề xuất các giải pháp cho việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm sản xuất trong nước, khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến nguyên liệu...

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng - Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã đánh giá cao những nỗ lực của nhóm nghiên cứu, nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng yêu cầu nhóm nghiên cứu phân tích kỹ hơn phần hiện trạng để làm nổi bật những điểm mạnh, điểm yếu và những bất cập trong lĩnh vực sản xuất gốm sứ xây dựng và đá ốp lát hiện nay, trong đó chú trọng đến các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất, từ đó xây dựng các giải pháp phát huy thế mạnh, khắc phục điểm yếu một cách cụ thể và khả thi. Về các căn cứ để dự báo nhu cầu tiêu thụ gốm sứ xây dựng và đá ốp lát, nhóm nghiên cứu cần tham khảo thêm Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của Hội đồng, chỉnh sửa báo cáo theo hướng ngắn gọn và súc tích hơn.

Dự án đã được Hội đồng nhất trí thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Thông tin về Diễn đàn lần thứ V của ACI: Sự bền vững của bê tông - Cân bằng độ an toàn và độ bền vững, phản ứng với những tác động của môi trường

Diễn đàn lần thứ V của Viện Bê tông Mỹ (ACI) về sự bền vững của bê tông được tổ chức ở Toronto, Canada vào tháng 10/2012 là sự tiếp nối của các diễn đàn đã được tổ chức ở St. Louis năm 2008, ở New Orleans năm 2009, ở Pittsburgh năm 2010 và ở Cincinnati năm 2011.

Nội dung của Diễn đàn V năm 2012 của ACI gồm những mục tiêu quan trọng sau:

- Nhắc lại những nội dung cơ bản về sự bền

vững và các kết cấu công trình bê tông;

- Cập nhật thông tin về sự phát triển những công nghệ bê tông mới;

- Tranh luận về trận động đất và thảm họa sóng thần ngày 11/3/2011 ở Nhật Bản; những ảnh hưởng của chúng tới các công trình bê tông; và

- Nhấn mạnh tầm nhìn về sự bền vững phải luôn được đề cập đến trong thiết kế môi trường

xây dựng.

Diễn đàn V lần này gồm có các bên tham gia trực tuyến trên mạng. Nội dung diễn đàn lần này gồm 2 phần:

- Phần 1: Có 5 diễn giả trình bày về Qui chuẩn ACI 318 về sự bền vững, phản ứng và thích ứng với sự biến đổi khí hậu, thực chất của sự bền vững; và

- Phần 2: Bàn về nội dung mà các diễn giả đã tham khảo ý kiến của các bên tham gia trên công trường và trên mạng máy tính.

Phần 1:

(1) Sự bền vững trong Bộ Qui chuẩn xây dựng của ACI

Ông Randy Poston - Giám đốc ACI 318 trình bày về Qui chuẩn xây dựng các công trình bê tông. Trình bày về sự phục hồi tường biển Marina del Rey và làm thế nào đưa vấn đề bền vững vào một dự án. Tường biển Marina del Rey được xây dựng năm 1960, năm 1986 nhiều phần tường đã bị sập do cốt thép bị ăn mòn. Việc sửa chữa và gia cường tường biển đã làm tăng thêm 40 năm tuổi phục vụ cho công trình với chi phí 25 triệu USD, nếu phá dỡ và thay thế hoàn toàn phải chi phí tới 200 triệu USD và sẽ ảnh hưởng lớn tới môi trường do phá dỡ và do việc xây dựng mới gây ra.

Ông Poston cũng báo cáo về việc sửa đổi Qui chuẩn xây dựng ACI 318. Ông nhận xét, qui chuẩn còn đề cập quá ít về an toàn đối với công trình và trong Qui chuẩn sửa đổi cần phải đưa những vấn đề về sự bền vững khi thiết kế công trình bên cạnh những yêu cầu về cường độ và khả năng phục vụ.

(2) Tăng cường độ bền vững của bê tông bằng cách thiết kế và phân loại độ bền

R. Doug Hooton - Giáo sư Đại học Toronto trình bày về nghiên cứu độ bền vững hiện nay, sự phát triển thử nghiệm độ bền vững và những giải pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhằm giảm phát thải khí CO₂. Những đổi mới trong thiết kế hỗn hợp bê tông bao gồm:

- Tối ưu hoá việc phân cấp cốt liệu kết hợp;

- Sử dụng các phụ gia giảm nước;

- Đưa vào áp dụng các tiêu chuẩn xi măng pooc lăng - đá vôi (PLC) của Hiệp hội Tiêu chuẩn Canada (CSA) và ASTM International của Mỹ.

- Sử dụng các chất kết dính thay thế (SCM)

- Sử dụng các cốt liệu tái chế.

Xi măng pooc lăng - đá vôi (PLC) với 15% đá vôi nghiền mịn đã được đưa vào tiêu chuẩn "Các chất kết dính hỗn hợp" CSA A3000 của Canada - là một loại xi măng mới từ năm 2008. Mới hơn, năm 2012 đã đưa vào sử dụng loại xi măng thuỷ lực mới với 15% đá vôi nghiền mịn theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM C593/C595 M - 12e1 "Tiêu chuẩn phân loại xi măng thuỷ lực hỗn hợp".

(3) Tăng cường sự đề kháng của công trình hạ tầng quan trọng

Giáo sư Michael Collins của trường Đại học Toronto đã mô tả về sự tàn phá do động đất gây ra đối với khu vực nhà thờ Thiên chúa giáo (Christchurch) ở New Zealand ngày 22/02/2011 như sau: Nhiều toà nhà bê tông cốt thép và nhà gạch bị sập, nước dâng lên mạnh và đá lở. Đã có 800 ngôi nhà phải phá dỡ. Tuy nhiên, duy nhất một bệnh viện không bị sập vì được xây dựng trên hệ thống đệm giảm chấn. Bởi vậy, để công trình chịu được tác động của những thảm hoạ thiên nhiên, cần phải ứng dụng một thể hệ thiết kế giảm chấn mới hiệu quả hơn.

(4) Cơ sở hạ tầng dân dụng được xây dựng phù hợp chịu được tác động của biến đổi khí hậu ở Canada

Michael Mortimer - Giám đốc chương trình xây dựng hợp chuẩn môi trường (CSA) của Canada trình bày về việc giảm bớt phát thải khí nhà kính trên toàn cầu. Theo ông, những giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu phải phù hợp và xuất phát từ những mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường. Nhiều tiêu chuẩn của Canada đóng vai trò quan trọng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Những hạng mục được quan tâm cao nhất để phù hợp với sự biến đổi khí hậu là: Xây dựng hạ tầng dân dụng; đa dạng sinh

học; các nguồn nước ngọt; các cộng đồng; và ngành Nông nghiệp.

(5) Sự bền vững của bê tông có nghĩa là gì?

Koji Sakai - Giáo sư Đại học Kagawa trình bày những khái niệm mở rộng liên quan đến sự bền vững của bê tông, bao gồm lịch sử của trái đất, việc tiêu thụ tài nguyên, những nguyên nhân biến đổi khí hậu, việc sản xuất thép và xi măng liên quan tới phát thải CO₂, thảm họa động đất - sóng thần năm 2011 ở Nhật và những đe dọa đối với sự an toàn và môi trường.

Trình bày về bức tranh toàn cảnh phát triển nền công nghiệp để có được các công trình bê tông bền vững, đó là:

- Xây dựng các công trình bê tông tính năng cao thông qua công nghệ mới phát triển;
- Thành lập các hệ thống đánh giá và thiết kế đối với những tác động của môi trường;
- Xây dựng những ngôi nhà và công trình hạ tầng bê tông bền vững và giảm chấn là nền tảng của sự bền vững.
- Cân bằng độ an toàn, độ bền vững và đàn hồi với những tác động của môi trường.

Phần 2: Tranh luận và giải đáp của các diễn giả

Tại diễn đàn lần này, nguyên chủ tịch ACI Florian Barth đã trình bày báo cáo “Cần làm gì

để đối phó với biến đổi khí hậu”.

Hai diễn giả Poston và Collins đã trình bày về việc phải xây dựng các qui chuẩn và tiêu chuẩn như thế nào để đáp ứng với những yêu cầu của biến đổi khí hậu. Các nhà nghiên cứu đã phân loại ba nhóm trách nhiệm quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững chịu được những tác động phá hoại của các thảm họa thiên nhiên do biến đổi khí hậu là chủ đầu tư, các cơ quan nhà nước và ngành Bảo hiểm; đồng thời đã nhấn mạnh vai trò của việc đánh giá “chi phí vòng đời” và “môi trường vòng đời” của mỗi công trình xây dựng.

Chủ đề tranh luận tại diễn đàn lần này là: Làm cách nào đảm bảo độ an toàn và bền vững cho các công trình bê tông trong khi đạt tới sự bền vững về xã hội? Tác giả Sakai (Nhật) đã đề xuất lối suy nghĩ mới rằng cần phải lượng hoá những gì sẽ xảy ra về kinh tế, môi trường và xã hội nếu ta thay đổi hệ số an toàn của công trình xây dựng (thí dụ từ 1,2 lên 1,4)?

Koji Sakai và Julie K. Buffenbarger

*Nguồn: Tạp chí “Concrete International”,
Mỹ N4/2013*

ND: Đinh Bá Lô

Công nghệ xây dựng khung lắp ghép liên khối theo phương pháp công nghiệp tại Nga và các nước SNG

Để giải bài toán xây nhà theo phương pháp công nghiệp, ngoài các vật liệu truyền thống như gạch và đá, ngành Xây dựng Nga trong hơn 5 thập kỷ qua đã liên tục nghiên cứu và áp dụng các công nghệ khối xây, khối xây lớn, panel, panel tấm lớn, xây dựng khung, xây dựng liên khối. Tất cả các công nghệ này đều có những ưu điểm khi ứng dụng, và luôn được hoàn thiện đổi mới nhờ sử dụng các vật liệu tiên tiến. Đó chính là lý do các công nghệ được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực xây dựng hiện đại, hỗ trợ tích cực cho việc giải quyết một trong

những vấn đề nóng nhất của nước Nga hiện nay - vấn đề nhà ở.

Nhanh, đẹp, độ tin cậy cao, bảo đảm các yêu cầu cao về thẩm mỹ và công năng, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm chi phí xây dựng là những tiêu chí quan trọng đối với xây dựng hiện đại. Chương trình mục tiêu quốc gia “Nhà ở tiện nghi có mức giá hợp lý cho mọi công dân Nga” đã xem xét việc tuân thủ các tiêu chí này tại các đô thị, các trung tâm vùng miền, các khu dân cư vừa và nhỏ, bởi ở bất cứ nơi đâu, nhu cầu và mong muốn của con người về nơi cư trú

đều giống nhau.

Ngoài ra, các công nghệ được áp dụng cần tương ứng với việc xây dựng từng công trình cụ thể: nhà ở; các công trình xã hội khác như nhà trẻ, trường học, trung tâm thương mại, bãi đỗ xe, cơ quan hành chính, trung tâm thể thao và giải trí... và các công trình hạ tầng cũng như các công trình công nghiệp.

Xét về quy mô xây dựng nhà ở tại Nga được thông qua trong Chương trình mục tiêu, ưu tiên hàng đầu cần được dành cho các giải pháp công nghệ linh hoạt và khả thi về tổ chức sản xuất vật liệu, nhằm bảo đảm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường; công trình được xây dựng đạt hiệu quả cao về mặt kinh tế, độ tin cậy cao đối với các kết cấu cùng nhiều phẩm chất tốt khác.

Để giải được bài toán không đơn giản này, tại Nga, công nghệ xây dựng khung lắp ghép - liên khối với chu trình khép kín từ giai đoạn thiết kế tới thi công đã được áp dụng hơn 15 năm nay tại nhiều vùng miền khắp cả nước. Về cơ bản, đây là chu trình khép kín từ khâu sản xuất các chi tiết, kết cấu bằng bê tông cốt thép tại các nhà máy; cung cấp các sản phẩm đó cho công trường xây dựng; lắp ghép với các khung chịu lực và trang trí bằng các mảng tường kiến trúc nghệ thuật cũng được chế tạo sẵn trong nhà máy.

Khả năng và các ưu điểm của công nghệ xây dựng khung lắp ghép liên khối

Công nghệ này cho phép lắp các khung có khẩu độ giữa các cột lên tới 18 m, do đó tạo khả năng thiết kế vị trí các căn phòng trong từng tầng một cách linh hoạt. Việc tính toán tiết diện của các cấu kiện chịu lực tùy thuộc vào vị trí của chúng trong khung khiến lượng kim loại tiêu hao cho các kết cấu bê tông cốt thép ở mức thấp. Các cấu kiện khung được chế tạo toàn bộ trong nhà máy, nên trong quá trình dựng khung, các công việc liên quan tới hàn điện không cần thiết. Từ đó, năng lượng và vật liệu tiêu thụ ít, thời gian thi công giảm... Kết quả cuối cùng là

giá thành nhà ở sẽ giảm so với nhà xây bằng các công nghệ khác.

Những ưu điểm cơ bản của công nghệ xây dựng khung lắp ghép liên khối đã được kiểm nghiệm qua thực tế, và có thể tóm lược như sau:

- Tiêu hao điện năng cho các chế phẩm bê tông cốt thép đối với 1 m² nhà ở là 2 kw; tiêu thụ hơi - 0,08 Gkal, tức là ít hơn 3 lần so với các công nghệ sản xuất bê tông cốt thép hiện nay;
- Tiêu hao nguyên vật liệu cơ bản (xi măng, sỏi, đá dăm...) ít hơn 1,5 lần so với xây dựng liên khối và sử dụng panel;
- Gia tăng 15 - 20% diện tích hữu dụng so với xây gạch;
- Giảm giá thành của các kết cấu chịu lực trong nhà, có tính tới chi phí được bồi hoàn từ việc gia tăng diện tích;
- Các công việc hàn trên công trường xây dựng hoàn toàn không cần thiết; yêu cầu về tay nghề của công nhân xây dựng không khắt khe do khối lượng công việc không nhiều tại địa điểm thi công cũng như tại dây chuyền công nghệ;
- Rút ngắn thời hạn thi công 1,5 lần so với xây gạch và xây liên khối;
- Các kết cấu đều được sản xuất trên dây chuyền trong nhà máy, do đó đảm bảo kiểm soát được chất lượng;
- Khả năng bố trí các bãi đỗ xe ngầm bên dưới các tòa nhà;
- Giảm khối lượng các kết cấu chịu lực;
- Khả năng sử dụng nguyên vật liệu tại chỗ làm tường ngoài;
- Khối lượng kết cấu không lớn, do đó trên công trường thi công không cần các tháp cầu có sức nâng lớn;
- Giảm chi phí vận chuyển;
- Tính đa dạng của các chi tiết cho phép ứng dụng chúng vào bất cứ giải pháp kiến trúc nào trong thiết kế.

Đặc điểm công nghệ xây dựng khung lắp ghép liên khối

Vị trí khớp nối của dầm với cột, khoảng trống giữa các cạnh của các tấm trần ngăn được đặt

khung cốt thép. Khung này được cố định bằng cách gắn với cốt thép của các cột, và sau này khung cốt thép trở thành cốt thép của các dầm chịu lực hoặc dầm liên kết; nhờ đó lượng bê tông cốt thép tiêu thụ cho 1 m² diện tích chung của tòa nhà giảm đáng kể so với các kết cấu khung chịu lực khác. Lượng bê tông cốt thép tiêu thụ trong xây dựng khung lắp ghép - liên khối dao động từ 0,1 - 0,18 m³/m² khung đã lắp. Chiều cao thông tầng không bị giới hạn, và chỉ phụ thuộc vào độ bền vững của các cột, do đó khung có thể ứng dụng cho các công trình nhiều chức năng khác nhau như nhà ở, công trình công cộng, cơ sở sản xuất, cơ quan hành chính... cũng như trong xây dựng cầu và cầu vượt.

Các cột có thể có tiết diện từ 200 x 200 đến 400 x 600 mm, chiều dài 24 m. Vật liệu xây cột là bê tông nặng B15 - B30. Khớp nối cột với dầm xà không cần hàn, và được bảo đảm nhờ phần dư cốt thép theo chiều dọc của cột, cho phép liên kết các cột có cùng tiết diện với cột khác tiết diện. Độ cao thông tầng không hạn chế nhờ tính linh hoạt của công nghệ áp dụng và tính tổng hợp của thiết bị. Các dầm có thể là dầm không ứng lực và dự ứng lực với tiết diện 80 - 450 mm, khẩu độ tới 18 m. Vật liệu làm dầm là bê tông nặng B30.

Những ngôi nhà cao tới 6 tầng không có tường lõi cứng. Toàn bộ lực được tiếp nhận bởi các mối nối cứng của khung. Nhà cao trên 6 tầng có tường lõi cứng, và tường lõi này cùng với khung sẽ tiếp nhận tải trọng theo tính toán.

Việc lấp đầy các khoảng trống giữa các cạnh của các tấm trần ngăn được thực hiện với bê tông B30. Vữa bê tông được đổ tràn đầy chỗ trống bên trong của tấm trần ngăn đến độ sâu 100 - 150 mm tạo thành kết cấu mộng ghép. Mộng ghép có thể được gia cường bằng cốt thép. Dầm liên khối được bố trí bên trong trần ngăn, do vậy đảm bảo sự linh hoạt của giải pháp quy hoạch mặt bằng và khả năng thay đổi hình dạng không gian bên trong công trình. Tính tổng hợp của thiết bị cho phép thay đổi tiết diện và độ

dài các dầm phù hợp với các số liệu được tính toán đối với các tòa nhà có chức năng khác nhau, và đối với tải trọng lên các tấm trần ngăn.

Tấm trần ngăn thường cấu tạo từ bê tông cốt thép dự ứng lực hoặc tấm panel rỗng. Các tấm bê tông cốt thép dự ứng lực có bề dày 60 mm, đúc từ khuôn không tháo rời, và lớp lõi liên khối có độ dày 80 - 140 mm được đặt phía trên. Lực dính kết của lớp liên khối với tấm lắp ghép đạt được nhờ bề mặt phía trên gồ ghề của tấm bê tông (được sản xuất trong nhà máy với cốt liệu hạt thô). Vật liệu làm các tấm bê tông này là bê tông nặng B35. Phương án sử dụng tấm trần ngăn rỗng khi bước cột tới 18 m cũng duy trì hiệu quả cao của khung (các tấm rỗng từ khuôn không tháo rời), và hiện nay được ứng dụng rất nhiều trong thực tế.

Hiệu quả kinh tế - xã hội

Như vậy, lĩnh vực xây dựng theo phương pháp công nghiệp đã có những đổi mới căn bản, tạo tiền đề tốt để đón đầu và đáp ứng những nhu cầu chính đối với ngành Xây dựng trong thế kỷ XXI bao gồm:

- Tối thiểu hóa chi phí cho nguồn năng lượng, nguyên vật liệu, nhân lực;
- Bảo đảm chất lượng cao trong mọi giai đoạn sản xuất và thi công, và kết quả cuối cùng là chi phí khai thác công trình xây dựng thấp;
- Người có nhu cầu sẽ lựa chọn được những ngôi nhà theo khả năng chi trả của mình.

Ứng dụng công nghệ xây dựng khung lắp ghép - liên khối trong lĩnh vực xây dựng theo phương pháp công nghiệp đã đem lại việc làm cho hơn 50 nghìn nhà thiết kế, kỹ sư chế tạo máy, công nhân xây dựng tại Nga. Công nghệ này đã mở ra triển vọng mới cho ngành Xây dựng. Khả năng tối ưu hóa quy cách các kết cấu trong mỗi công trình khiến giá thành cũng như thời gian thi công tiết giảm một cách hợp lý, bên cạnh đó việc ứng dụng những yếu tố kiến trúc đa dạng, phong phú trong các điều kiện thời tiết khắc nghiệt, từ +40⁰C tới -60⁰C (như thành phố Mirnyi - Arkhanghensk), hay những

vùng thường xuyên có rung chấn (Krasnoïdar và Stavropol) sẽ không bị hạn chế.

Cùng với sự xuất hiện của kết cấu chịu lực bền vững, với ý tưởng thiết kế khoáng đạt của kiến trúc sư cũng như bên đặt hàng, một thời kỳ mới đã mở ra đối với lĩnh vực xây dựng công nghiệp - tạo kết cấu tường ngoài có chất lượng tốt, tính thẩm mỹ cao ngay từ các phân xưởng nhà máy, với chi phí khai thác thấp nhất trong suốt vòng đời của công trình, bảo đảm tính cách âm, cách nhiệt và an toàn sinh thái. Kết cấu này đáp ứng những tiêu chí cơ bản của xây dựng công nghiệp về trọng lượng, về thời gian lắp ghép, về tính hình học của các yếu tố liên kết, và về khả năng lắp ghép.

Kiến tạo một cái mới cần ghi nhớ những gì đã qua, để không lặp lại những sai sót cơ bản trong quá khứ. Đối với những người hoạt động trong lĩnh vực xây nhà, những thiếu sót đó là sự thiếu sáng tạo trong ý tưởng thiết kế; độ tin cậy chưa cao của các mối nối tường ngoài; lượng kim loại và bê tông cốt thép lắp ghép cho 1 m²

sàn nhà ở bị tiêu hao nhiều; và cuối cùng là sự đơn điệu của kiến trúc bên ngoài.

Hiện nay, phương án thay thế khả thi là xây tường ngoài áp dụng các yếu tố kích thước lớn và mặt tiền thông gió chế tạo sẵn trong nhà máy, có thể bảo đảm tuổi thọ lâu dài và chi phí khai thác thấp, đồng thời cho phép thực hiện nhiều phương án khác nhau đối với mặt tiền của công trình.

Đổi mới luôn là một quá trình phức tạp, đòi hỏi nhiều lao động sáng tạo, song đó là quá trình tất yếu để ngành Xây dựng nói chung và lĩnh vực xây dựng nhà ở của Nga nói riêng phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới, đáp ứng những nhu cầu cao nhất của người dân về nơi cư trú.

V.A. Shembakov

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng nhà ở Nga,
tháng 3/2013*

ND: Lê Minh

Những ưu điểm và nhược điểm của nhà panel tấm lớn hiện nay

Le Corbusier (kiến trúc sư danh tiếng người Thụy Sĩ) là một trong những người đầu tiên tuyên bố về tốc độ xây dựng nhanh chóng của nhà bê tông, đồng thời là người sáng lập ra “năm điểm khởi đầu của kiến trúc hiện đại”. Theo ông, nỗ lực cải cách về mặt thiết kế của các kiến trúc sư chỉ có thể đi vào cuộc sống khi các đặc tính của vật liệu xây dựng đảm bảo khả năng đạt được những đổi mới đó.

Ngày 26/4/1954, Tổng cục Nhà ở và Xây dựng dân dụng Liên Xô đã được thành lập, với nhiệm vụ chính là ứng dụng các công nghệ xây dựng vào thực tiễn tại quốc gia rộng lớn này. Trong 20 năm đầu hoạt động của Tổng cục, đã có xấp xỉ 45,4 triệu m² sàn nhà ở được xây mới. (Trước chiến tranh, Quỹ Nhà ở của Liên Xô chỉ xấp xỉ 13,4 triệu m²). Tới năm 1966, nhờ sự lớn

lên của ngành công nghiệp xây dựng, nhà panel tấm lớn đã rất phát triển, chiếm xấp xỉ 40% khối lượng xây dựng nhà ở hàng năm của Liên Xô.

Giữa thế kỷ XX, trên khắp thế giới, các phương pháp thiết kế công nghiệp và xây dựng phát triển mạnh. Mọi nguồn vật liệu cần thiết đều được dành cho sự phát triển công nghệ bê tông nhẹ dạng liên kết (bê tông keramzit, bê tông peclit, bê tông sunzit) và dạng rỗng xốp (bê tông bọt và bê tông khí).

Tới cuối thế kỷ XX, các tấm panel lớn từ bê tông khí chung áp đã trở nên phổ biến. Kinh nghiệm vận hành sử dụng các tòa nhà bê tông dạng này được tích lũy từ hơn 8 thập kỷ cho thấy chúng đáp ứng tối đa các yêu cầu tiết kiệm tài nguyên và năng lượng nhờ khả năng cách

âm tốt, an toàn chống cháy và an toàn sinh thái. Nhược điểm duy nhất của kết cấu bê tông khí chưng áp là cường độ chịu kéo thấp, chỉ tương đương 5 - 8% cường độ nén. Đây chính là nguyên nhân gây ra một số hạn chế trong quá trình thi công và khai thác sử dụng các kết cấu xây dựng.

Sự phá vỡ tính liên tục trong cơ cấu của các pha đông kết (xuất hiện trong quá trình xử lý nguyên liệu về mặt công nghệ khi sản xuất một loại bê tông cụ thể nào đó) thường khiến bê tông có cường độ chịu kéo thấp. Có thể tăng cường độ chịu kéo và tính đồng nhất bằng cách sắp xếp lại cơ cấu của các yếu tố thu nhận được từ việc chuyển pha khi sản xuất bê tông. Giải pháp cho vấn đề này là sử dụng công nghệ nano.

Theo nhiều chuyên gia, công nghệ nano có thể thay đổi tính chất của các vật liệu xây dựng dựa trên sự chuyển hóa thành phần sang các tế bào nano. Nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, con người đã có thể sản xuất các vật liệu xây dựng cấu trúc nano với những đặc tính tuyệt vời.

Khi cải thiện các đặc tính giảm chấn có liên quan tới cường độ chịu kéo của bê tông, cường độ nén sẽ giảm đi. Nếu việc hoàn thiện công nghệ sản xuất bê tông đưa tới kết quả gia tăng cường độ cũng như các đặc tính giảm chấn, thì điều đó chính là minh chứng cho sự xuất hiện của tế bào nano trong cấu trúc bê tông. Các lớp tế bào nano có thể bảo đảm cải thiện cường độ và các đặc tính giảm chấn của bê tông thông qua nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có cả biện pháp kết tủa các tế bào keo dính trên bề mặt chất nền. Chính biện pháp công nghệ áp dụng trong sản xuất bê tông tổ ong (bê tông dạng rỗng xốp) đông kết tự nhiên (không chưng hấp) được thực hiện trong công nghệ bê tông fibro (bê tông nhẹ cốt sợi).

Những đổi mới trên thị trường Nga bắt đầu từ năm 1991 cho thấy: Công nghiệp xây dựng hiện đại của Liên bang Nga còn ở mức chưa tương xứng với những thành công trong lĩnh vực

này. Yêu cầu công nghệ đối với các kết cấu bao che công trình không ngừng đổi mới, phần lớn các vật liệu sản xuất ra không theo kịp các yêu cầu mới của thời đại. Cải thiện hiệu quả cách nhiệt của các vật liệu dùng cho kết cấu bao che là một trong những định hướng mới, tuy nhiên khi thực hiện, nhiều vấn đề mới lại phát sinh, và hiệu quả đạt được chưa chắc đã cao.

Thời gian này, công nghệ xây dựng sử dụng panel gỗ tấm lớn được quảng bá và áp dụng rộng rãi, cho phép xây những ngôi nhà panel khung gỗ, bao ngoài bằng tấm phoi xi măng dày 16 mm, còn bên trong là tấm sợi thạch cao dày 12 mm. Khoảng trống bên trong khung được chèn bông khoáng có độ dày 150 mm. Các panel được sản xuất tại các nhà máy, có kích cỡ chính xác, và có thể lắp ghép nhanh chóng thành các hạng mục hoàn chỉnh ngay tại các công trường xây dựng. Thành công của phương pháp này đã được kiểm nghiệm, cụ thể là trong xây dựng các ngôi nhà dạng di động có thể thay thế lớp cách nhiệt mới khi lớp cách nhiệt cũ mất đi tính cách nhiệt. Các nhược điểm của nhà dạng này không xuất hiện ngay khi công trình được bàn giao cho bên nghiệm thu, mà thường là sau đó một thời gian, từ 3 - 8 năm vận hành khai thác.

Khi sử dụng một ngôi nhà được xây dựng theo công nghệ nêu trên, hơi được khuếch tán từ nơi ấm sang nơi lạnh thông qua các tấm sợi thạch cao thẩm thấu hơi nước và không khí, sẽ thấm vào các vật liệu giữ nhiệt, nơi chúng được tích tụ lại dưới dạng ngưng tụ. Các tấm phoi xi măng trên thực tế là những vật liệu thẩm thấu hơi và không khí, sẽ không cho phép hơi ẩm tích tụ tan đi.

Trong quá trình vận hành khai thác, hơi ẩm sẽ tích tụ tại lớp cách nhiệt bên trong kết cấu tường, khiến khả năng cách nhiệt giảm, biến dạng co ngót trong các lớp cách nhiệt và lớp bao che diễn ra không đồng đều, giảm tính thẩm mỹ của bề mặt bao che.

Vật liệu cách nhiệt bị ẩm khiến khung gỗ bị

mục nát, khung kim loại bị ăn mòn, và tấm sợi thạch cao bị phá hủy. Hệ quả là tường xuất hiện các vết ố và hiện tượng nấm mốc. Do đó, cần cân nhắc một điều: Công nghệ trên chỉ phù hợp với việc xây nhà dạng di động, hoặc kho bãi vì với những công trình như vậy, lớp cách nhiệt được thay thế định kỳ. Công nghệ này không thể ứng dụng để xây các công trình có mục đích sử dụng lâu dài.

Công nghệ trên (công nghệ “bức tường Nga”) được áp dụng khá tích cực tại Nga; các nhà xây dựng chỉ thay đổi mỗi chủng loại vật liệu giữ nhiệt - thay thế bông khoáng bằng tấm xốp penopolistirol. Chúng ta đều biết rằng penopolistirol có đặc tính chống cháy và chịu nhiệt thấp. Ở nhiệt độ 80 - 90°C, trong tấm xốp sẽ xuất hiện sự phá hủy dẫn tới sự thay đổi khối lượng và phân tách các chất độc hại. Đánh giá hiệu quả của tấm xốp penopolistirol trong thành phần panel 3 lớp của các kết cấu xây dựng, các nhà nghiên cứu đi đến kết luận: Dưới lớp trát, penopolistirol không ổn định về mặt lý tính. Theo số liệu thống kê về các tình huống khẩn cấp trong vòng 10 năm trở lại đây, số các vụ cháy lớn có nhiều thiệt hại về người và của tăng lên, mà nguyên nhân chủ yếu là mức độ hại của các vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí.

Như vậy có thể thấy sự thay đổi các tính chất của penopolistirol từ những tác động của các yếu tố ngẫu nhiên tiềm ẩn nhiều nguy cơ, nếu loại vật liệu này được ứng dụng làm vật liệu giữ nhiệt cho tường nhà, và không có lợi về mặt kinh tế nếu thời gian khai thác công trình kéo dài trên 10 năm. Đối với xây dựng các công trình, cần có những loại vật liệu có đặc tính phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu tổng hợp về sinh thái, sử dụng nhiệt hiệu quả, an toàn cháy nổ, tiện nghi và tuổi thọ lâu bền. Tất cả những tính chất trên cần thể hiện không chỉ trong thời điểm xây dựng, mà trong suốt cả giai đoạn khai thác vận hành công trình.

Bê tông tổ ong là một vật liệu cách nhiệt xây tường tuyệt vời. Hiệu quả ứng dụng loại bê tông

này trong xây dựng đã được toàn thế giới công nhận. Tuy nhiên, cũng cần phân biệt các chủng loại khác nhau của bê tông này, không chỉ nhằm vận dụng đúng mà còn đảm bảo cho công trình tính tiện nghi, sử dụng năng lượng hiệu quả, tuổi thọ lâu dài và độ tin cậy cao nhất.

Bê tông tổ ong chung hấp và đông kết tự nhiên khác nhau về các tính chất sử dụng như cường độ nén, độ ẩm sau khi được xử lý nhiệt. Ở bê tông chung hấp, các tính chất này rõ hơn, tức là cường độ cao hơn, và độ ẩm thấp hơn. Song ít khi chúng ta tính tới khả năng cường độ nén lớn không phải vì kết cấu tiếp nhận được tải trọng nén tương ứng trong quá trình thi công hoặc sử dụng, mà bởi vì cường độ chịu kéo của bê tông ít khi vượt mức 10% so với cường độ nén. Để lắp ghép thành công các kết cấu bê tông, cần bảo đảm mức độ bền chịu kéo không dưới 01 MPa. Bê tông tổ ong chung hấp hạ thấp tỷ lệ này từ 6 - 8 %, tức là ngay cả khi kết cấu được làm từ bê tông chung hấp có trọng lượng riêng 1.000kg/m³, với cấp cường độ B10, độ lớn R cũng không dẫn rộng tới mức yêu cầu.

Bê tông chung hấp trong quá trình hoàn thiện xử lý nguyên liệu sẽ có thể gia tăng cường độ nén, chứ không tăng cường độ nén khi căng kéo. Loại bê tông này sau khi được xử lý nhiệt sẽ đạt được cường độ tối đa của mình, trong giai đoạn tiếp theo cường độ giảm đi. Còn các bê tông không áp dụng xử lý nhiệt thì sau khi sản xuất 1 năm - về nguyên tắc - sẽ tăng cường độ đạt được sau 28 ngày tuổi lên gấp đôi.

Đánh giá tổng hợp các tính chất về mặt kinh tế - kỹ thuật của bê tông tổ ong cho thấy: Để sản xuất bê tông đông kết không theo phương pháp chung hấp chỉ cần một lượng năng lượng tối thiểu. Bởi vậy, trên quan điểm của những người làm kinh tế, công nghệ bê tông tổ ong đông kết tự nhiên (không chung hấp) cho hiệu quả kinh tế rất cao. Đối với bê tông khí và bê tông bọt đông kết tự nhiên, có một nhược điểm chủ yếu: Độ co ngót trong quá trình kết cứng cao, hiện tượng đó có thể kéo dài tới trên 180

ngày kể từ khi sản phẩm được làm ra.

Khi xem xét hiệu quả kinh tế của bê tông tổ ong không chung hấp, việc tìm những giải pháp công nghệ có thể nâng cao độ bền chịu kéo và giảm sự biến dạng co ngót, hoặc loại trừ hoàn toàn sự biến dạng này có ý nghĩa rất quan trọng. Việc đặt cốt bằng các sợi tổng hợp thúc đẩy cường độ chịu kéo gia tăng từ 5 - 10 lần, từ đó thể hiện rất nhiều ưu điểm đặc biệt có lợi cho quá trình sản xuất, vận chuyển, lắp ghép và khai thác thành phẩm.

Các sản phẩm đúc sẵn từ bê tông fibro tại các vùng phía nam nước Nga (thành phố Rostov trên sông Đông là một ví dụ) được sản xuất từ năm 2002. Sản phẩm bao gồm các bloc xây tường và bloc cách nhiệt có khối lượng riêng từ 250 - 900 kg/m³; các sản phẩm trang trí mặt tiền, lanh tô vòm và lanh tô thanh...

Bê tông fibro khác với các dạng bê tông tổ ong ở chỗ độ bền chịu kéo và độ bền kéo đứt được nâng cao; tính dẫn nhiệt và biến dạng co ngót giảm đi.

Trong xây dựng, sự thay đổi tính chất của của các loại bê tông sẽ đưa lại lợi ích gì? Trước hết là khả năng thu được những sản phẩm chất lượng cao với các hình dạng phức tạp. Các tính chất cấu tạo tổng hợp của vữa cho phép làm ra các sản phẩm có bất cứ hình dạng nào. Cấu trúc rãnh của bloc tường khi kết hợp với độ chính xác về kích thước giúp giảm nhẹ yêu cầu về tay nghề của công nhân khi thực hiện công việc xây xếp, khiến sản phẩm trở nên hấp dẫn đối với các nhà xây dựng tư nhân, những người làm công tác xây dựng trong quân đội, và hấp dẫn đối với các vùng khan hiếm công nhân xây dựng có tay nghề cao. Về mặt công nghệ, những sản phẩm bê tông có hình dạng cong, tròn khiến các ý tưởng kiến trúc thêm bay bổng, không bị gò bó.

Việc thực hiện nguyên tắc “then - rãnh” đạt được nhờ cường độ của bê tông khi căng kéo, ngoại trừ sự xuất hiện của các khe nứt khi chịu tác động của lực va đập ngẫu nhiên, cho phép

không cần áp dụng biện pháp trát phủ bề mặt tường, bởi vì độ nhám của bề mặt không vượt quá 2 mm. Tức là để bề mặt của tường nhắn mịn chỉ cần bả mattit là được.

So sánh bê tông fibro, bê tông khí và bê tông bọt có thể thấy: Tính thấm thấu của bê tông fibro thấp hơn. Tính thấm thấu của bê tông fibro có khối lượng riêng 700 kg/m³ phù hợp với việc xây xếp gạch bằng vữa cát xi măng, với khối lượng riêng của gạch không nhỏ hơn 1.800 kg/m³.

Trong các ngôi nhà khung bê tông hiện đại với các tường panel 3 lớp, tải trọng lên các khung cửa sổ được chia nhỏ cho các thanh lanh tô. Các lanh tô bê tông cốt thép sẽ làm mất đi các đặc tính kỹ thuật nhiệt của kết cấu bao che, do vậy trên các lỗ cửa sổ người ta thường bố trí không phải một lanh tô bằng bê dày bức tường, mà là nhiều tấm mỏng, giữa chúng chèn các lớp vật liệu cách nhiệt. Nếu các lanh tô bê tông cốt thép được thay thế bằng các lanh tô thanh hoặc lanh tô vòm từ bê tông nhẹ cốt sợi, thì sự cách nhiệt bổ sung cho kết cấu tường không còn cần thiết nữa.

Ứng dụng các sản phẩm từ bê tông nhẹ cốt sợi cho phép giải quyết nhiều vấn đề phức tạp, một phần do lắp ghép những kết cấu kích cỡ lớn như vậy không phải lúc nào cũng cần thiết bị cầu công suất lớn. Có thể lấy việc xây dựng tòa nhà công sở tại trung tâm lịch sử của thành phố Rostov trên sông Đông làm ví dụ. Tòa nhà được xây dựng trong điều kiện chật hẹp của một trung tâm lịch sử, bởi vậy cấu thép chỉ có thể phục vụ cho một phần công trình. Các sản phẩm trang trí mặt tiền cần có trọng lượng nhỏ, có kích thước theo yêu cầu về mặt hình học, và có tính thẩm mỹ. Để thực hiện điều này, các sản phẩm bê tông nhẹ cốt sợi có các dạng hình học phức tạp khác nhau đã được chế tạo, có thể ứng dụng ngay mà không cần sự bảo trì đặc biệt khỏi các tác động của khí quyển.

Năm 2010, nhóm chuyên gia của thành phố Rostov trên sông Đông đã sản xuất thử nghiệm

tấm phủ từ bê tông nhẹ cốt sợi kích thước 900 x 300 x 4.800 mm, khối lượng riêng 800 kg/m³, được đặt cốt bằng các khung kim loại. Kết quả thử nghiệm cho thấy: Độ võng cho phép có độ lớn 6,85 mm đạt được sau khi nâng mức tải trọng vượt 73 Pa. Tải trọng này vượt 2,4 lần mức tiêu chuẩn được quy định cho tấm bê tông cốt thép rỗng cấp B20. Khi tải trọng riêng đạt 220 Pa, độ võng phần trung tâm khẩu độ các tấm bê tông là 35 mm, không xuất hiện các khe nứt tại khu vực chịu kéo của tấm bê tông. Khi tiếp tục chịu tải trọng tới 890 Pa, tính động học của các vị trí oằn võng cũng không được ghi nhận. Trọng lượng của cả tấm bê tông thử nghiệm là 1,2 tấn; tức là ít nhất nhẹ hơn 15% so với một tấm bê tông cốt thép rỗng có cùng diện tích.

Kinh nghiệm ứng dụng các sản phẩm bê tông nhẹ cốt sợi cho thấy một điều: Loại bê tông này có thể ứng dụng thành công trong nhiều lĩnh vực khác nhau của ngành xây nhà hiện đại, bởi các đặc tính của nó sẽ đảm bảo hiệu quả cao về mặt sử dụng năng lượng tiết kiệm, đồng thời thu nhận được bề mặt mịn màng của bất cứ loại hình kết cấu nào; khối

tích vật liệu thấp.

Những đặc tính cơ lý và kỹ thuật trên đây của bê tông nhẹ cốt sợi luôn được bảo đảm phù hợp với các yêu cầu cách âm, cách nhiệt trong thiết kế các tòa nhà hiện đại. Tuy nhiên, việc áp dụng rộng rãi loại bê tông an toàn sinh thái này còn gặp nhiều hạn chế tại Nga; chủ yếu là do sự “vênh” giữa luật Liên bang số 261-F3 “Về tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm, và về những sửa đổi được đưa vào các điều luật riêng biệt của Liên bang Nga”, và các văn bản dưới luật nhằm bảo đảm khả năng được thực thi của luật. Sự phát triển trong tương lai của loại bê tông này còn cần những chính sách đầu tư đúng đắn nhằm loại trừ các tác động của yếu tố con người tới thành phẩm cuối cùng, cũng như sự hoàn chỉnh các văn bản quy phạm quy định nguyên tắc ứng dụng bê tông nhẹ cốt sợi trong xây dựng.

V.N.Morgun

Nguồn: Tạp chí Xây dựng nhà ở Nga,

tháng 3/2013

ND: Lê Minh

Đốt rác phát điện trở thành xu thế mới tại Trung Quốc

Do nền kinh tế phát triển nhanh chóng và tốc độ đô thị hóa cao, mỗi năm Trung Quốc thải ra 250 triệu tấn rác. Rác thải sinh hoạt một mặt đang tạo áp lực rất lớn đối với môi trường và sự phát triển của đô thị, mặt khác lại là nguồn tài nguyên đem lại lợi ích kinh tế to lớn. Việc khai thác để biến rác thải trở thành kho báu cũng trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của ngành công nghiệp bảo vệ môi trường.

Xử lý rác thải đô thị chủ yếu có 3 phương thức: Chôn lấp, ủ phân và đốt phát điện. So sánh ba phương thức, đốt phát điện vô hại, ưu thế về giảm số lượng và tài nguyên hóa rác thải nổi bật, do đó phương thức này trở thành lựa chọn hàng đầu của các nước có nguồn đất đai và năng lượng hạn hẹp. Tại Tây Âu và Nhật

Bản, rác thải sinh hoạt đô thị cơ bản được xử lý bằng phương thức đốt. Tại Trung Quốc, phương hướng chủ đạo trong phát triển ngành công nghiệp xử lý rác thải sinh hoạt là chuyển từ chôn lấp sang đốt phát điện.

Theo “Quy hoạch Xây dựng hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt tại thành phố, thị trấn trong toàn quốc “5 năm lần thứ XII” của Trung Quốc, tổng đầu tư xây dựng hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt tại thành phố, thị trấn của Trung Quốc thời kỳ “5 năm lần thứ XII” là khoảng 263,6 tỷ NDT. Đây được xem là cơ hội phát triển mang tính lịch sử cho ngành công nghiệp xử lý rác thải của Trung Quốc.

Đốt rác thải phát điện trở thành xu thế mới

Tổng thư ký Ủy ban Xử lý rác thải sinh hoạt

- Hiệp hội Công nghiệp bảo vệ môi trường Trung Quốc đồng thời là Kỹ sư trưởng Viện Nghiên cứu xây dựng đô thị, ông Từ Hải Vân đã cho biết về hiện trạng của ngành công nghiệp đốt rác thải phát điện hiện nay tại Trung Quốc: “Công tác xử lý đốt rác thải đô thị của Trung Quốc phát triển khá nhanh, khả năng xử lý đốt rác thải của năm 2011 gấp 33 lần năm 2000, đạt 940 nghìn tấn/ngày. Đến cuối năm 2012, có 142 nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện đã được xây dựng và đưa vào vận hành hoạt động, tổng quy mô xử lý là 124 nghìn tấn, tổng công suất lắp đặt khoảng 2.600 MW. Ngày càng nhiều người nhận thức được sự cần thiết của đốt rác, tuy nhiên nhận thức như thế nào thì vẫn còn chưa nhất quán.”

Phát điện nhờ rác thải tại Trung Quốc có bước khởi đầu khá muộn. Nhà máy phát điện nhờ rác thải đầu tiên được đưa vào vận hành năm 1987, thiết bị kỹ thuật chủ yếu đều nhập từ nước ngoài. Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng từ thiết bị lò đốt nhập khẩu đến lò chế tạo trong nước rồi đến lò hơi tăng sôi tuần hoàn đã khiến cho ngành công nghiệp phát điện nhờ rác thải tại Trung Quốc đi từ không đến có, đồng thời đạt được sự phát triển nhanh chóng. Hiện tại, số lượng hệ thống thiêu đốt rác thải mới xây tại Trung Quốc đã chiếm hơn một nửa của thế giới. Đến năm 2015, khả năng thiêu đốt rác thải phát điện trên toàn Trung Quốc có thể đạt 310 nghìn tấn/ngày.

Hoàn thiện kỹ thuật là căn bản

Phát điện thông qua xử lý rác thải tại Trung Quốc đang trong giai đoạn khởi đầu, việc xây dựng và vận hành hoạt động các nhà máy thiêu đốt rác thải phát điện vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Các chuyên gia trong ngành phân tích, điều cốt lõi nằm ở việc nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vận hành hoạt động, tiêu chuẩn ngành có liên quan tới thiêu đốt rác thải phát điện để ngăn chặn ô nhiễm mới, tránh làm ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân xung quanh.

Kỹ sư trưởng Trung tâm Nghiên cứu kỹ thuật công trình vệ sinh môi trường - Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị nông thôn Trung Quốc, ông Bạch Lương Thành cho biết: Công nghệ thiêu đốt làm sạch rác thải sinh hoạt tại Trung Quốc đã bước vào giai đoạn phát triển khá thành thực, rất nhiều thiết bị của các xí nghiệp đã đạt tới trình độ tiên tiến của quốc tế.

Đối với các nhân tố thúc đẩy quy mô hóa hạng mục đốt rác thải phát điện, Giáo sư Nhiếp Vĩnh Phong thuộc Trường Đại học Thanh Hoa cho biết: Khâu lựa chọn địa điểm cho hạng mục đốt rác phát điện khá khó; cần tìm được một địa điểm rồi mới tăng quy mô. Đầu tư cho thiêu đốt rác thải sinh hoạt lớn, trình độ kỹ thuật cao, do đó, cần có sự hỗ trợ về kinh tế và cần hiệu ứng quy mô nhất định để đốt rác phát nhiệt phát huy hiệu quả.

Khi thị trường thiêu đốt rác thải tại Trung Quốc quy mô hóa các hạng mục đốt rác phát điện, cần phải đột phá kỹ thuật xử lý rác thải có trọng tải vừa và nhỏ dưới 300 tấn. Vì có nhiều tỉnh giống như tỉnh Chiết Giang với mật độ dân cư đông đúc, lượng rác thải bình quân trong 1 ngày đạt khoảng 300 tấn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Eco-Waste Chiết Giang, ông Bào Hải Minh cho biết: “Hạng mục xử lý rác thải tại đảo Đan Sơn đã áp dụng kỹ thuật đốt khí hóa nhiệt phân độc quyền của công ty với chi phí thấp để vô hại hóa 25 tấn rác thải sản sinh mỗi ngày tại hòn đảo này. Bình quân mỗi tấn rác thải có thể phát ra 300 kw điện.”

Thúc đẩy hỗ trợ là không thể thiếu

Những năm gần đây, Trung Quốc hết sức coi trọng ngành công nghiệp môi trường. Trước vấn đề bảo vệ môi trường và tận dụng tái sinh nguồn năng lượng, Trung Quốc đã đưa ra một loạt những ý kiến mang tính chỉ đạo và các chính sách ưu đãi nhằm tạo môi trường chính sách có lợi cho ngành công nghiệp đốt rác phát điện, để việc đầu tư, xây dựng, kiểm soát chất lượng và vận hành quản lý... hạng mục đốt rác

đô thị có được cơ sở pháp luật và căn cứ chính sách cụ thể.

Ông Từ Hải Vân cho biết: “Trong tương lai, cần tăng cường xây dựng quy hoạch các nhà máy thiêu đốt rác thải sinh hoạt”. Một mặt, cần tích cực phát triển xử lý thiêu đốt rác thải có thu hồi dư nhiệt, nâng cao hiệu suất tận dụng dư nhiệt rác thải. Mặt khác, cần đột phá về tính hạn chế trong quy hoạch xây dựng đối với rác thải sinh hoạt đơn nhất, có thể quy hoạch thống nhất rác thải công kênh, rác thải từ sinh khối nông lâm nghiệp... có đặc tính tương tự như rác thải sinh hoạt, thực hiện xử lý thiêu đốt tăng cường đối với chất thải rắn.” Ông Từ Hải Vân còn chia sẻ thêm: “Các nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện cấp huyện cần đột phá về mặt chính sách. Đối với việc đầu tư cho các nhà

máy đốt rác phát điện quy mô vừa và nhỏ với khoảng 300 tấn/ngày, Nhà nước cần đưa ra sự hỗ trợ nhằm giúp giảm chi phí xử lý rác thải.”

Ông Bào Hải Minh hết sức kỳ vọng vào ngành công nghiệp thiêu đốt rác thải phát điện: “Hy vọng Chính phủ có thể ủng hộ những doanh nghiệp như chúng tôi để chúng tôi phát triển nhanh hơn, bắt đầu từ đột phá về mặt kỹ thuật sau đó tiến hành mở rộng trên phạm vi trong nước. Như vậy, mỗi năm chúng tôi có thể xây thêm được một số nhà máy xử lý rác thải, xử lý được nhiều rác thải hơn, cống hiến được nhiều hơn cho sự tươi đẹp của đất nước Trung Quốc.”

Lang Bằng

Nguồn: js.china.com.cn

ND: Kim Nhạn

Ô nhiễm môi trường trong nhà và phương pháp xử lý

Chất lượng không khí tốt xấu của môi trường trong nhà ngày càng được nhiều người quan tâm. Nhiều nghiên cứu về ô nhiễm môi trường trong nhà quy mô lớn được triển khai nhằm tìm ra phương pháp xử lý có hiệu quả và hình thành nhận thức chung trong quần chúng nhân dân.

I. Nguồn ô nhiễm chủ yếu ở môi trường trong nhà

Thực tiễn từ nhiều điều tra và kiểm nghiệm công trình đã cho thấy nguồn ô nhiễm và vật ô nhiễm bên trong nhà chủ yếu đến từ những phương diện dưới đây:

1.1. Ô nhiễm từ chính công trình

Khi thi công vào giai đoạn mùa đông, để kết cấu chủ thể bê tông đổ tại chỗ như dầm, sàn, cột... có tốc độ cứng và kết dính nhanh, nhanh chóng đạt được cường độ trước khi bị đông lại người ta thường cho thêm chất chống đông có chứa Urê vào trong bê tông. Sau khi công trình được đưa vào sử dụng, trong điều kiện nhiệt độ cao, khí độc amoniac trong Urê sẽ từ từ thoát ra từ các cấu kiện bê tông khiến cho nồng độ khí amoniac trong bầu không khí bên trong nhà tăng lên gây ra ô nhiễm mang tính hóa học.

Ngoài ra, các loại vật liệu như xi măng, đá, gạch, ngói, gạch lát nền đều chứa một lượng Radon nhất định, gây ra ô nhiễm mang tính phóng xạ trong nhà, có tác hại lớn đến sức khỏe con người.

1.2. Ô nhiễm từ các vật liệu hoàn thiện

Vật liệu quét tường trong, sơn, vật liệu tấm bằng chất liệu nhựa và vật liệu tấm bằng chất liệu gỗ nhân tạo... đều có chứa hợp chất hữu cơ Formaldehyde, Benzene, Toluene (methylbenzene), Chloroform và Ethanol... Những chất này xâm nhập vào bên trong nhà sẽ gây ra các chứng bệnh về đường hô hấp, đường tiêu hóa, thần kinh, thị lực và máu..., đồng thời cũng có khả năng gây ung thư.

1.3. Ô nhiễm từ các thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, đồ điện gia dụng

Các vật liệu được sử dụng để chế tác đồ gia dụng trong nhà đa phần là chất liệu nhựa, vật liệu tấm bằng chất liệu gỗ nhân tạo, bên trong những vật liệu này đều có chứa các chất ô nhiễm như Benzene và Toluene... Ngoài ra, tiếng ồn, sóng điện từ sản sinh từ đồ điện gia dụng và các thiết bị văn phòng sẽ làm tăng mức

độ ô nhiễm bên trong nhà, đặc biệt là các phòng đóng kín có sử dụng máy điều hòa không khí, do lượng không khí trong lành ít, không thể hình thành hệ thống tuần hoàn với bầu không khí bên ngoài từ đó tạo ra một số lượng lớn các vi khuẩn, virus và nấm sinh sôi bên trong nhà, gây ô nhiễm theo kiểu sinh học.

1.4. Ô nhiễm do hút thuốc lá và các vật sử dụng làm chất đốt

Thành phần của khói được hình thành từ khí gas nấu nướng trong nhà bếp hoặc khí đốt tự nhiên, khói dầu nấu nướng và thuốc lá cực kỳ phức tạp. Hiện tại đã phân tích được trong đó có chứa một số chất có hại như CO_2 , NO_2 , SO_2 và các hạt vật chất có thể hít vào... Các chất này có mặt trong không khí bên trong nhà dưới trạng thái khí hoặc dạng Aerosol (thí dụ như sương mù, khói sương) làm xuống cấp nghiêm trọng môi trường trong nhà.

1.5. Ô nhiễm trong nhà đến từ sự trao đổi chất của bản thân con người

Theo báo cáo kiểm nghiệm khoa học, mỗi giờ con người thở ra 25 lít khí CO_2 , phổi cần thải ra 25 loại chất có độc. Những chất độc này tồn tại trong bầu không khí trong nhà, nếu không được xua tan kịp thời sẽ làm tăng mức độ ô nhiễm cho môi trường trong nhà.

1.6. Ô nhiễm từ chất ô nhiễm ngoài nhà

Ô nhiễm chì, khí CO được thải từ ống xả ô tô, bụi, khói bụi và khí thể có hại xuất hiện trong quá trình sản xuất của các nhà máy len lỏi vào trong các hộ gia đình sinh sống tại vùng lân cận đường phố và nhà máy đã làm gia tăng ô nhiễm môi trường bên trong nhà.

II. Các chất ô nhiễm chủ yếu và những nguy hại đối với sức khỏe con người

2.1. Formaldehyde

Formaldehyde là một chất gây ô nhiễm quan trọng nhất trong nhà. Ở nhiệt độ thường nó là một loại khí không màu, có mùi vị kích thích khá mạnh, là chất gây ung thư và dị dạng. Trong các vật liệu hoàn thiện xây dựng như vật liệu quét, sơn, keo dán, tấm vật liệu nhựa và

các loại vật liệu tấm bằng gỗ nhân tạo đều có chứa Formaldehyde, đặc biệt keo dán sử dụng cho các vật liệu tấm bằng chất liệu gỗ nhân tạo đa phần là keo nhựa cây Urê Formaldehyde với hàm lượng Formaldehyde vượt quá tiêu chuẩn.

2.2. Radon

Radon là một loại khí mang tính phóng xạ không màu, không mùi, không vị, tồn tại phổ biến trong môi trường sống của con người. Xi măng, bê tông được sử dụng trong thi công kết cấu chủ thể công trình, gốm sứ, đá hoa cương, đá cẩm thạch... trong các vật liệu hoàn thiện đều có chứa một lượng Radon khác nhau. Ngoài ra, các vật liệu tường được gia công từ phế liệu công nghiệp như xỉ lò cao, bột tro từ nhà máy nhiệt điện đều có chứa Radium, sau khi Radium suy biến sẽ sinh ra Radon. Vào những năm 60 của thế kỷ XX, các nhà khoa học đã phát hiện ra chất Radon bên trong các công trình xây dựng đồng thời bắt đầu tiến hành nghiên cứu chứng minh những tác hại có tính bức xạ đối với cơ thể người của Radon chiếm trên 50% lượng bức xạ mà con người nhận được từ môi trường. Radon có tầm nguy hại rất lớn đến sức khỏe con người, hơn nữa, vì nó là một loại khí thể có tính trơ, thời gian ủ bệnh dài, thông thường đều trên 15 năm, cho nên cần hết sức chú ý.

2.3. Benzene

Benzene là một chất lỏng độc hại trong suốt, không màu lại có mùi thơm, dễ bay hơi, là sản phẩm phụ của quá trình cracking dầu mỏ hoặc chưng cất nhựa than đá. Khi ở nhiệt độ thường, Benzene có thể bay hơi hình thành thể khí, nhiệt độ càng cao, lượng bay hơi càng nhiều. Trong khoảng thời gian ngắn hít phải khí benzene nồng độ cao hoặc trong khoảng thời gian dài hít phải khí benzene nồng độ thấp đều tạo ra những nguy hại lớn đối với sức khỏe con người. Benzene và hợp chất của nó cũng được Tổ chức Y tế Thế giới xác định là chất gây ung thư.

2.4. Amoniac

Amoniac là một loại khí thể không màu có

mùi hăng mạnh. Về mặt hóa học Amoniac là chất có tính kiềm, mật độ nhỏ hơn không khí, nó có nguồn gốc chủ yếu từ chất chống đông được sử dụng trong thi công bê tông vào mùa đông. Khi có sự biến đổi của các nhân tố như nhiệt độ, độ ẩm trong nhà, khí Amoniac có trong các cấu kiện bê tông sẽ từ từ thoát ra và làm tăng nồng độ khí Amoniac trong không khí bên trong nhà, đe dọa sức khỏe của con người.

2.5. TVOC

TVOC là một trong 3 chất hữu cơ gây ô nhiễm có tầm ảnh hưởng khá nghiêm trọng là Polycyclic Aromatic Hydrocarbons (PAHs), hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và Aldehydes. TVOC (Hợp chất hữu cơ tổng hợp dễ bay hơi - Total Volatile Organic Compounds) bao gồm các chất như Aromatic hydrocarbons, Ankan, Anken, Aldehyt, Este, Xeton... TVOC chủ yếu có trong các vật liệu hoàn thiện như sơn, keo dán, vật liệu nhựa tấm, giấy dán tường, thảm và vật liệu gỗ tấm nhân tạo... Mỹ phẩm, thuốc diệt côn trùng, chất tẩy rửa... cũng là hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.

TVOC là chất có mùi hôi, một số hợp chất còn có Genotoxic. Tổ chức Y tế Thế giới và Viện Khoa học quốc gia Hoa Kỳ (NAS) đều cho rằng TVOC là chất gây ô nhiễm quan trọng trong môi trường trong nhà. Những nguy hại của nó đối với sức khỏe con người chủ yếu biểu hiện như gây mất cân bằng khả năng miễn dịch của người, ảnh hưởng tới chức năng của hệ thống thần kinh trung khu, xuất hiện các triệu chứng như đau đầu, chóng mặt, tức ngực, mệt mỏi..., ảnh hưởng tới cả hệ thống tiêu hóa, xuất hiện cảm giác buồn nôn, chán ăn, lúc nghiêm trọng còn làm tổn thương tới gan và chức năng tạo máu.

III. Phương pháp phòng trừ chất ô nhiễm

3.1. Thiết kế hợp lý kết cấu xây dựng

Việc thiết kế kết cấu xây dựng cần bảo đảm thông thoáng bên trong nhà. Đặc biệt là phòng ngủ, phòng khách đều có thể tiến hành thông gió tự nhiên, trong nhà cần liên tục được bổ sung lượng không khí tươi mới. Đường thông gió

trong nhà vệ sinh, nhà bếp cần được thiết kế sao cho đón được hướng gió chính vào mùa hè, tránh cho các khí thể có hại phân tán tới các phòng khác.

3.2. Kiểm soát chặt chẽ nguồn ô nhiễm

Kiểm soát nguồn ô nhiễm là phương pháp hữu hiệu nhất để giải quyết ô nhiễm môi trường bên trong nhà.

- Thi công công trình bê tông vào mùa đông không sử dụng chất phụ gia có chứa Amoniac nhằm loại bỏ chất ô nhiễm Amoniac.

- Lựa chọn các vật liệu hoàn thiện kiểu bảo vệ môi trường không độc hại, không ô nhiễm khi tiến hành hoàn thiện bên trong nhà. Ví dụ hoàn thiện mặt tường trong nhà có thể sử dụng múi cao su (Latex), sơn tơ lụa, giấy dán tường bảo vệ môi trường, vải dán tường và các chế phẩm gốm sứ xanh không chứa chì và đồng; vật liệu tấm nên chọn những vật liệu tấm hoàn thiện chất liệu nhẹ, tấm chống cháy, tấm sợi tăng cường Canxi Silicat, tấm gương kính...; hoàn thiện nền nhà nên chọn các tấm sàn gỗ thật, tấm sàn phức hợp, tấm sàn cao su hoặc tấm sàn trúc...; cửa, cửa sổ nên chọn loại cửa gỗ, cửa phức hợp nhôm - gỗ và cửa nhựa thép...

- Các đồ gia dụng trong nhà nên chọn các vật dụng bằng gỗ thật, bằng kim loại hoặc tre, trúc..., nếu sử dụng vật liệu tấm gỗ nhân tạo cho các đồ gia dụng, cần tiến hành xử lý tráng phủ để ngăn chặn các chất ô nhiễm bên trong như Formaldehyde, Benzene... thoát ra gây ô nhiễm.

3.3. Thông gió, trao đổi không khí

Thường xuyên mở cửa sổ, tăng cường thông gió, trao đổi không khí trong và ngoài nhà là cách đơn giản nhất và hữu hiệu nhất để cải thiện chất lượng không khí trong nhà. Ngoài ra, có thể tận dụng các thiết bị máy móc để tiến hành xử lý làm sạch bầu không khí trong nhà.

Kỷ Tiệp

Nguồn: Tạp Chí Xây dựng và kiến trúc Trung Quốc, số 6/2013

ND: Kim Nhạn

Những vấn đề khó khăn trong công tác trưng thu nhà ở và các chính sách được đưa ra ở Trung Quốc

Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII đã đề ra các ý kiến khác nhau về hiện đại hóa đô thị nông thôn từ các lĩnh vực công nghiệp, thông tin và nông nghiệp, coi đây là cách thức để xây dựng toàn diện xã hội nông thôn lành mạnh, hiện đại hóa. Việc quy hoạch lại quy mô đô thị và nâng cấp các thiết bị công cộng cũng như cơ sở vật chất hạ tầng đô thị đòi hỏi phải trưng thu nhà ở để phục vụ cho công tác quy hoạch. Thời gian gần đây, sự mâu thuẫn gay gắt giữa lợi ích của người dân và lợi ích xã hội đã khiến cho công tác trưng thu nhà ở gặp nhiều khó khăn.

I. “8 cái khó” của công tác thu hồi nhà ở

1. Khó khăn để thống nhất suy nghĩ và sự hiểu biết của người dân

Theo quy định trong “Điều lệ trưng thu nhà ở đất đai thuộc quyền sở hữu Nhà nước” (viết tắt là Điều lệ), mục đích của việc trưng thu nhà ở là vì nhu cầu từ lợi ích chung. Bất luận là ở quốc gia có chế độ chính trị và nền kinh tế như thế nào thì lợi ích cá nhân của mỗi công dân đều nên xuất phát từ lợi ích chung của cả cộng đồng, và phải đảm bảo lợi ích hợp pháp của cá nhân. Tuy nhiên, dù phương án bồi thường trưng thu hợp lý như thế nào đi nữa, thì người dân vẫn luôn cho rằng trong quá trình trưng thu, lợi ích cá nhân của họ bị xâm hại và rằng đây là tài sản riêng của họ, không ai hay tổ chức nào có quyền được xâm hại. Do đó ảnh hưởng sâu sắc đến tiến độ và kế hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

2. Ranh giới về lợi ích công cộng không rõ ràng

“Pháp lệnh” đã quy định 6 trường hợp thuộc lợi ích công cộng, trong quá trình thực hiện, người bị tịch thu có ý kiến với việc định ranh giới lợi ích công cộng, đặc biệt là dự án tái thiết thành phố cũ, hiện nay vẫn chưa xác định rõ 1 tiêu chuẩn thống nhất, họ thường cho rằng Chính phủ vì muốn kiếm tiền mà khai thác, không thuộc vào phạm trù lợi ích công cộng,

cho dù có thực hiện quy hoạch theo pháp luật và đưa vào kế hoạch năm phát triển kinh tế xã hội (được Đại hội Đảng và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua) thì họ vẫn tỏ ra nghi ngờ về tính hợp pháp này; đối với các dự án xây dựng thành phố, cải tạo môi trường, sinh thái xanh... tiến hành mở rộng thích đáng, xác định “địa giới trưng thu” để cho việc thực hiện được thuận lợi hơn cũng bị nghi vấn.

3. Điều tra sơ bộ khó khăn

Do việc trưng thu nhà ở liên quan tới tài sản lớn của người dân, cho nên vì khá nhiều nguyên nhân khác nhau mà người bị tịch thu nhà ở trong đa số các trường hợp trưng thu đều kiên quyết chống đối. Sau khi có thông báo điều tra các đơn vị thực hiện trưng thu đã thực hiện khảo sát hộ gia đình, đa phần là người dân cố ý tỏ ra không hiểu, không có thái độ hợp tác, không cung cấp tư liệu, do vậy chỉ có thể thông qua các phương thức ngoại vi như truy cập vào hồ sơ tài sản... mới có thể biết được tình hình.

4. Khó khăn do xây dựng trái phép

Khoản 2 Điều 24 trong “Pháp lệnh” đã quy định “chính quyền quận, thành phố trước khi đưa ra quyết định trưng thu nhà ở cần phải tổ chức các ban ngành có liên quan xác định và xử lý các công trình trong phạm vi bị trưng thu mà chưa đăng kí. Đối với các công trình được xác định là hợp pháp và công trình tạm thời chưa vượt qua kì hạn tiêu chuẩn thì cần phải có đến bù phù hợp; ngược lại những công trình bị xác định là xây dựng trái phép và công trình cũ đã vượt quá thời hạn cho phép sử dụng thì sẽ không phải đền bù”. Tuy nhiên do việc điều tra sơ bộ khó mà xác minh rõ tình hình nên việc xác định và giải quyết những công trình xây dựng trái phép gặp phải nhiều khó khăn. Sau khi có giấy phép phá dỡ sẽ tiến hành phá dỡ, xử lý trong quá trình đàm phán thỏa thuận di dời.

5. Khó khăn trong việc chọn lựa cơ quan

chịu trách nhiệm đánh giá

Trong "Biện pháp đánh giá trung thu nhà ở đất đai thuộc quyền sở hữu Nhà nước" có quy định: Cơ quan thẩm định bất động sản sẽ do bên bị trưng thu trong thời gian quy định thỏa thuận chọn lựa ra. Nếu trong khoảng thời gian quy định mà không chọn ra được thì ban trưng thu sẽ thông qua bỏ phiếu quyết định theo nguyên tắc đa số thắng thiểu số hoặc tùy theo tình hình mà chọn các cách như quay số, bốc thăm, mục đích của những phương thức này là tôn trọng quyền lựa chọn của bên bị trưng thu, mà trên thực tế thì tồn tại vấn đề "thiểu số bắt chẹt đa số". Trong những tình huống ấy, không thể trong khoảng thời gian quy định mà chọn lựa, chỉ còn cách là bỏ phiếu, quay số hoặc bốc thăm để quyết định, do vậy dễ xảy ra hiện tượng bỏ sót cơ quan đánh giá chính xác và đáng tin nhiệm.

6. Khó khăn trong công tác chọn địa điểm tái định cư

Tái định cư là khâu quan trọng trong công tác trưng thu nhà ở vì việc này có liên quan đến vấn đề an cư lập nghiệp của bên bị trưng thu. "Pháp lệnh" đã nêu rõ về việc bảo đảm chỗ ở cho người bị trưng thu. Thực tế trong quá trình tiến hành, do thời gian tiến hành công tác trưng thu nhà ở bị kéo dài, nên thời gian xây dựng và quản lý khu nhà ở tái định cư ở các vùng không đồng nhất, quá trình chuyển đổi mở rộng, thời gian bốc thăm nhà mới, sắp xếp tài sản trở thành vấn đề nổi bật trong công tác trưng thu. Vì lợi ích cá nhân người nào cũng muốn được ở chỗ đẹp, thuận lợi làm ăn. Ở một số địa phương, nhiều dự án di dời dân vượt thời gian quy định 5 năm, thậm chí lâu hơn, để các dự án tái thiết được thực hiện thành công thì vấn đề di dời nhà ở khỏi chỗ ở cũ có lẽ vẫn cần một khoảng thời gian dài để giải quyết, nhất là khi dân đã quen sống và kinh doanh buôn bán tại địa điểm cũ.

7. Khó khăn trong công tác bồi thường

Điều 2 trong "Pháp lệnh" quy định, "người bị trưng thu trong thời gian pháp luật quy định

không xem xét lại hành chính hoặc không có thủ tục tố tụng hành chính, trong thời gian quy định bồi thường mà không di dời thì chính quyền quận, thành phố đưa ra quyết định trưng thu nhà ở căn cứ theo pháp luật mà xin thi hành cưỡng chế". Quy định này đã nêu rõ thời gian bồi thường và nghĩa vụ mà người bị trưng thu phải thực hiện, tuy nhiên trên thực tế khó mà đạt được hiệu quả trưng thu, ngược lại còn bị bên bị trưng thu lợi dụng, kéo dài thời gian, dẫn tới dự án trưng thu khó mà tiến hành đến nơi đến chốn. "Quy định cách thức xin tòa án Nhân dân thi hành cưỡng chế nhưng trường hợp có liên quan tới trưng thu nhà ở trên đất thuộc sở hữu Nhà nước" của tòa án nhân dân tối cao, (gọi tắt là "Quy định"), tuân theo trình tự và thực tế đặt ra quy định nghiêm khắc thi hành cưỡng chế, nói chung là khó thi hành.

8. Mâu thuẫn phức tạp khó hòa giải

Liên quan tới dự án trưng thu nhà ở thông thường là những khu có điều kiện cư trú không tốt, đã được xây dựng trong một thời gian dài; cũng có thể là những khu mới, tình trạng xây dựng khá tốt. Điều kiện chung có liên quan khá phức tạp, nhu cầu cũng không đồng nhất. Trong cuộc đấu tranh cho lợi ích chung, bên bị trưng thu thường "đoàn kết một lòng" cùng nhau bám trụ lại chỗ cũ, không muốn di dời, một phần cũng là do khi có quy hoạch đặc biệt là dự án mở đường thì nghiêm nhiên nhà ở mặt phố sẽ có lợi lớn, vì thế họ kiên quyết đấu tranh giữ lại đất với mong muốn có được địa điểm kinh doanh tốt sau này. Cho nên các "nhà thương thuyết" khi thực hiện nhiệm vụ thương thảo về giá bồi thường dù có đưa ra muôn vàn lợi ích và đảm bảo về việc làm, phúc lợi xã hội... vẫn khó có thể thuyết phục được bên bị trưng thu nhà ở.

II. "8 kiến nghị" để làm tốt công tác trưng thu nhà ở

Tổ chức trưng thu nhà ở theo pháp luật là công tác nhằm mục đích thực hiện xây dựng toàn diện xã hội lành mạnh. Chính phủ các cấp và ban ngành có liên quan thực hiện công tác

trung thu cần phải đổi mới tư tưởng để giải quyết vấn đề hóc búa, nỗ lực thực hiện thống nhất quá trình đô thị hóa và cải thiện đời sống nhân dân, giữ gìn và bảo vệ ổn định xã hội.

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, tăng cường pháp chế, thống nhất công tác tư tưởng

Chính phủ các cấp và ban ngành có liên quan thực hiện công tác trung thu phải lấy việc tuyên truyền "Pháp lệnh" làm nội dung quan trọng cho công tác tuyên truyền pháp chế, dồn tâm sức vào việc nâng cao ý thức pháp luật cho toàn thể nhân dân. Dẫn dắt các bên trung thu và bảo vệ quyền lợi cho dân theo pháp luật. Trong quá trình thực hiện trung thu, hầu hết sẽ có cảm giác việc của quần chúng sẽ dễ làm hơn việc của cán bộ cơ quan, việc của nhân viên dễ thực hiện hơn cán bộ, việc của cán bộ bình thường sẽ dễ thực hiện hơn của cán bộ lãnh đạo, quần chúng có khó khăn dễ làm hơn là quần chúng có điều kiện kinh tế tốt... Điều này nói lên quan điểm về kinh tế và địa vị xã hội của các đối tượng bị trung thu nhà ở. Cần phải nắm bắt rõ quy định của từng địa phương để hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện một cách quy phạm. Xuất phát từ tình hình địa phương, phải coi trọng cải thiện đời sống nhân dân, lấy thị trường làm hướng chủ đạo, sửa đổi khoa học và hoàn thiện chính sách tiêu chuẩn bồi thường trung thu, nghiêm túc thực hiện nguyên tắc minh bạch, công bằng trong công tác trung thu bồi thường.

2. Tôn trọng ý kiến quần chúng, thực hiện công bằng dân chủ, kế hoạch khoa học

"Quyết sách dân chủ, trình tự thích đáng, kết quả công khai" là nguyên tắc mà công tác trung thu nhất định phải tuân theo. Cùng lúc với duy trì tiến độ dự án thì công tác trung thu cần nâng cao tính khoa học và có trình tự. Chính sửa và sửa đổi quy hoạch thành phố cần tiếp thu đầy đủ và nghiêm túc ý kiến của quần chúng nhân dân và các tổ chức xã hội, công khai... Tuân thủ các quy định trong công tác quy hoạch

thành thị nông thôn, hạn chế thay đổi, điều chỉnh, trừ trường hợp bất khả kháng. Phát huy tối đa vai trò của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân các cấp. Thận trọng thẩm định quy mô trung thu và dự án trung thu, đồng thời nâng cao tính cấp thiết cũng như yêu cầu bắt buộc của dự án. Dự án tái thiết lập thành phố cần căn cứ vào nhiều mặt để tiến hành, tôn trọng ý dân, trong tình huống nhân dân không hoàn toàn đồng lòng, mâu thuẫn xã hội gay gắt và điều kiện không cho phép thì tạm thời hoãn thi hành.

3. Cơ chế toàn diện, công tác cần trọng, nắm rõ tình hình cơ bản

Sau khi thuật ngữ "di dời nhà ở" bị thay thế bởi "trung thu nhà ở" thì chính quyền địa phương trở thành chủ thể trung thu, cần phải thay đổi cơ chế và thể chế công tác, cũng như quyền và trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị đối với việc trung thu nhà ở. Phát huy ưu thế của chính quyền, điều động lực lượng các bên phối hợp và hỗ trợ cho nhau. Thành lập cơ chế công tác có sự kết hợp giữa bộ ban ngành trung thu với đơn vị thực thi, cơ quan đánh giá, cơ quan chịu trách nhiệm. Hình thành hệ thống chính quyền quản lý tổng quan đưa ra chính sách, đơn vị thực thi phụ trách kí kết hiệp định, cơ quan đánh giá căn cứ theo luật mà đánh giá, cơ quan chịu trách nhiệm phụ trách bảo đảm vốn, các ban ngành có liên quan hợp tác điều chỉnh. Trên cơ sở này, triển khai công tác một cách cần trọng, nắm bắt rõ tình hình, đề ra phương án bồi thường hợp tình hợp lý, tổ chức đẩy mạnh thời gian hoàn thành trung thu.

4. Tôn trọng lịch sử, xử lý xây dựng trái phép

Nhận định và xử lý xây dựng trái phép là một trong những khó khăn của công tác trung thu nhà ở. Do sự phức tạp của nhiều nguyên nhân, cần phải tôn trọng lịch sử, xử lý chính xác. Thông qua biện pháp trước khi trung thu tiến hành thanh lí tập trung công trình xây dựng trái phép, xử lý hàng loạt; hoặc thông qua việc áp dụng bản đồ trên không và cho xây dựng trái phép để tạo thành giá đền bù mới. Về đất và tài sản trên đất

nếu như không có biện pháp gì thì phải căn cứ vào sự hình thành của công trình và lịch sử, thời gian sử dụng để có cách giải quyết hợp lí.

5. Thủ tục minh bạch, lựa chọn cơ quan đánh giá tốt nhất

Công khai kết quả đánh giá rất quan trọng đối với công tác trưng thu. Chọn một cơ quan đánh giá có kinh nghiệm, uy tín tốt là điều mà 2 bên trưng thu và bị trưng thu đều hi vọng. Vì thế sự lựa chọn của ban đánh giá nên tuân theo nguyên tắc đã cùng thảo luận với bên bị trưng thu. Bên trưng thu phải đưa ra những lập luận khoa học và hợp pháp để đưa ra sự lựa chọn tốt nhất cho các bên, đồng thời có được sự ủng hộ của bên bị trưng thu. Ngăn chặn và phát hiện kịp thời hành vi trái pháp luật, có dấu hiệu trục lợi phục vụ lợi ích nhóm của cơ quan đánh giá, làm ảnh hưởng đến lợi ích của người dân, và làm mất uy tín của chính quyền địa phương. Việc đánh giá giá trị đền bù cần được thông qua các cấp có thẩm quyền, căn cứ theo thời giá quy định và phải có sự điều chỉnh cho phù hợp với giá trị tài sản của bên bị trưng thu. Quá trình thương lượng giá đền bù cần phải được diễn ra công khai và phải có văn bản ký kết giữa các bên liên quan sau khi đã chấp nhận thỏa thuận đền bù.

6. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu tái định cư để ổn định đời sống cho dân

Không kịp thời xây dựng khu tái định cư lại là một khó khăn trong công tác di dời. Muốn giải quyết vấn đề di dời dân về khu tái định cư mới phải làm được “cả 2 tay”, tức là “một tay” chỉ đạo, thông qua điều chỉnh chính sách bồi thường, thậm chí là có hình thức khen thưởng bằng tiền mặt cho những hộ gia đình có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh và nhanh chóng di dời, bên cạnh đó cũng cần có hướng dẫn cụ thể cho bên bị trưng thu cách lựa chọn nhận tiền đền bù hay nhận nhà mới. “Một tay” tập trung vào công tác xây dựng, đối với những trường hợp chọn lựa trao đổi tài sản “nhà đổi nhà”, thì các dự án nhà ở tái định cư cần phải sớm hoàn thành, cố gắng nhanh nhất để rút ngắn thời

gian, đồng thời đảm bảo thanh toán đầy đủ chi phí đền bù di dời.

7. Quản lí theo pháp luật, bảo đảm lợi ích cộng đồng

Chính phủ các cấp và ban ngành trưng thu cần phải nghiêm túc trưng thu theo pháp luật, theo đúng trình tự. Tôn trọng các quyền của người bị trưng thu như quyền được biết, quyền lựa chọn, quyền được tham gia. Điều cần phải công khai thì phải công khai, và cần phải trưng cầu dân ý và các bên liên quan phải có đại diện pháp luật phù hợp. Thành lập cơ chế thông tin liên lạc, tăng cường giao tiếp với các cơ quan tư pháp, đảm bảo tính hợp pháp của hành vi hành chính; phát huy ưu thế hòa giải của các cơ quan tư pháp khi xảy ra mâu thuẫn giữa bên trưng thu và bên bị trưng thu. Cơ quan công an nếu phát hiện có trường hợp cấu kết phạm tội thì tuân theo pháp luật tổ chức khởi tố chịu trách nhiệm hình sự; sẵn sàng công tác cưỡng chế theo pháp luật khi có yêu cầu để đảm bảo thực hiện lợi ích chung của cộng đồng.

8. Nhanh chóng, kịp thời giải quyết xung đột và tranh chấp

Mâu thuẫn và xung đột thường xuyên xảy ra mỗi khi chính quyền địa phương có kế hoạch trưng thu nhà ở, do đó chính quyền địa phương và đơn vị chịu trách nhiệm đi trưng thu cần phải xác định rõ nhu cầu của các đối tượng khác nhau để sử dụng các biện pháp đối phó thích hợp. Thành lập cơ quan hòa giải mâu thuẫn, đồng bộ thực hiện công tác trưng thu và hòa giải mâu thuẫn. Đối với những vấn đề thi hành chính sách trưng thu, luôn luôn công bằng, trước sau như một, không để cho các dấu hiệu tỏ ra thuận vào thế bất lợi. Phấn đấu để giải quyết những mâu thuẫn ở ngay giai đoạn mới phát sinh, không để xảy ra tình hình nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tiến độ trưng thu.

Nguyễn Hồng Ân

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị, số 3/2013

ND: Quỳnh Anh

Trung Quốc với xu hướng phát triển vật liệu tiết kiệm năng lượng môi trường thấp cacbon

Tuyên truyền, giới thiệu một loạt các sản phẩm, kĩ thuật ứng dụng cho “công trình xanh”, cacbon thấp và sáng tạo ra kĩ thuật ứng dụng mới với lượng CO₂ thấp là những hoạt động mà Hiệp hội Tiêu chuẩn hóa công trình xây dựng Trung Quốc đã tổ chức nhằm thúc đẩy xây dựng “công trình xanh, cacbon thấp”, cũng như đẩy mạnh việc sử dụng “sản phẩm xanh” và tiết kiệm năng lượng trong ngành Xây dựng. Đây cũng là yêu cầu của Chính phủ Trung Quốc trước tình hình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trên cả nước, mật độ xây dựng tăng nhanh và nguồn năng lượng đang ngày càng suy giảm.

Tính năng giữ nhiệt trong công trình xây dựng đối mặt với tình hình mới

Kiến trúc sư - Viện phó Viện thiết kế tiêu chuẩn kiến trúc Trung Quốc Lí Hiểu Minh cho biết: Tình hình mới đặt ra 3 yêu cầu mới cho ngành vật liệu giữ nhiệt. *Một là* tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng càng cao thì yêu cầu về hệ số giữ nhiệt của vật liệu giữ nhiệt càng thấp; *hai là* cùng với sự tăng nhanh của quá trình đô thị hóa, quy mô diện tích của công trình cũng sẽ tăng, các tòa nhà cao tầng ngày càng nhiều, thì yêu cầu về tính phòng cháy của công trình sẽ càng cao; *ba là* nâng cao tính năng phòng cháy của các vật liệu giữ nhiệt, không thể dựa vào HBCD (HBCD: 1 loại Alicyclic phụ gia chống cháy với lượng brom cao) có tính gây hại tiềm ẩn lâu dài cho con người và môi trường.

Mấy năm gần đây, cùng việc đẩy mạnh xây dựng “công trình tiết kiệm năng lượng”, các loại vật liệu giữ nhiệt dần được giới thiệu rộng rãi và đưa vào sử dụng. Các vật liệu này cùng lúc tồn tại ưu và nhược điểm. Tiêu hao năng lượng thấp nhất thuộc về vật liệu cách nhiệt EPS, cao nhất là phenolic và XPS. Do tính dẫn nhiệt của PU (Polyurethane) thấp nên lượng sử dụng tăng lên một cách nhanh chóng, diện tích sử dụng tăng từ 20.000 m² (2004) lên 8.000.000 m²

(2011). Có tới 60% người dân ở khu Phố Cũ - Bắc Kinh sử dụng PU để cải tạo tình hình tiết kiệm năng lượng trong nhà. Nhưng bên cạnh đó vật liệu PU lại xuất hiện những vấn đề lớn trong khi sử dụng là tính ổn định, dễ quần mép, biến dạng, dính tán nhô ra. Trong các công trình thực tế, XPS tuy được ứng dụng rộng rãi nhưng chất lượng không đồng đều. Theo thống kê trong số các vật liệu cách nhiệt trên tường bị gió thổi bay có XPS.

Đối với vấn đề này, khi đặt ra tiêu chuẩn về sử dụng vật liệu giữ nhiệt Trung Quốc không chỉ tham khảo tiêu chuẩn của châu Âu mà còn tiến hành một loạt các thực nghiệm đi kèm, làm rõ hơn nữa các chỉ tiêu của vật liệu giữ nhiệt như độ co giãn, tính ổn định kích cỡ.

Tiêu chuẩn về chỉ số đặc biệt được đưa ra để kiểm soát chất lượng của sản phẩm. Chỉ cần làm việc trung thực, nghiêm túc tuân theo tiêu chuẩn thì sẽ không xảy ra bất cứ sai sót gì. Cùng với thời gian, độ giữ nhiệt của các vật liệu này cũng sẽ giảm, tính năng giữ nhiệt cũng sẽ bị mất đi, vì thế không thể vì muốn mau chóng kiếm lợi mà làm vội vàng, chỉ quan tâm trước mắt mà các chuyên gia trong ngành cần tiến hành nghiên cứu tính lâu dài của vật liệu giữ nhiệt, nâng cao tuổi thọ cho vật liệu giữ nhiệt.

Coi trọng tính phòng cháy của kính

Trong số những vụ cháy lớn xảy ra những năm gần đây, cho dù là vụ cháy lớn ở Đài truyền hình TW (09/02/2009) hay là vụ cháy ở Khách sạn Royal Thảm Dương, thì khi phân tích nguyên nhân gây cháy, người trong hay ngoài ngành đều cho rằng nguyên nhân có liên quan đến tính chất phòng cháy của vật liệu giữ nhiệt.

Đối với vấn đề này, Giám đốc Hiệp hội kính kiến trúc và kính công nghiệp Trung Quốc, chuyên gia về kính an toàn, ông Ngô Tùng Chân lại có cách nhìn khác. Qua sự phân tích về tình hình hỏa hoạn xảy ra tại Khách sạn

Royal Thẩm Dương, ông cho rằng pháo hoa hay tia lửa hàn điện đều có thể là nguyên nhân gây ra hỏa hoạn, tính cháy của vật liệu giữ nhiệt chỉ là yếu tố dẫn lửa, khiến cho tốc độ và phạm vi của hỏa hoạn càng lan rộng mà thôi, nguyên nhân chính gây ra hỏa hoạn chính là do cửa sổ của các tòa nhà bị vỡ.

Trong vụ hỏa hoạn ở Khách sạn Royal Thẩm Dương, khu B sử dụng kính phổ thông đã hoàn toàn bị thiêu rụi, trong khi đó công trình khu A sử dụng cửa kính phòng cháy lại không hề xảy ra vấn đề gì, hơn nữa khi đám cháy lan từ khu B sang khu A, kính phòng cháy đã ngăn cho đám cháy không lan rộng ra.

Vì vậy, ông Ngô Tùng Chân nhấn mạnh, cửa ra vào và cửa sổ là bộ phận mở bao quanh tòa nhà, là một mắt xích không thể thiếu trong số các thiết bị chữa cháy của công trình, tính chống cháy của nó trở thành yếu tố quan trọng ngăn chặn tốc độ lây lan của đám cháy trong các tòa nhà cao ốc. Chất lượng của cửa chống cháy có tốt hay không ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phòng cháy của các công trình kiến trúc.

Hiện nay, cửa chống cháy phân làm 2 loại: cửa chống cháy cách nhiệt và cửa chống cháy không cách nhiệt. Khi xảy ra hỏa hoạn, kính chống cháy có tác dụng ngăn khói và khống chế sự lây lan của ngọn lửa, là 1 loại vật liệu phòng lửa mang tính biện pháp. Lấy công trình nhà ở rộng 100 m² làm ví dụ, sử dụng kính chống cháy, vật liệu chống cháy... để nâng cao tính chống cháy cho cửa sổ, tuy giá tiền cho mỗi m² cửa sổ tăng thêm 50 NDT - 140 NDT nhưng chia cho mỗi m² của công trình thì chỉ tăng từ 7.5 NDT - 21 NDT.

Vì thế, ông Ngô Tùng Chân kiến nghị, tính cháy của các vật liệu giữ nhiệt trong các công trình hiện nay, đại đa số là chưa đạt được cấp A (cấp cao nhất), nên việc sử dụng cửa kính chống lửa kết hợp với sử dụng vật liệu giữ nhiệt ngoài tường cấp B1, B2 là một lựa chọn sáng suốt vừa đảm bảo tính kinh tế, vừa đảm bảo tính hiệu quả trong việc ngăn chặn hỏa hoạn

lan rộng, giảm tổn thất do hỏa hoạn gây ra, đồng thời cũng là một sự bảo đảm cho tính mạng con người và của cải.

Sử dụng thông thạo các sản phẩm thiết bị “xanh”

Sự chuyển hướng phát triển của ngành bất động sản mang lại cơ hội tốt cho ứng dụng sản phẩm kĩ thuật có liên quan tới “công trình xanh”. Ngành bất động sản trong nước từ thời kì phát triển nhanh bước vào thời kì phát triển ổn định gặp phải vấn đề về chuyển hướng cơ cấu, đặc biệt là ở mặt chất lượng của sản phẩm. Tiêu chuẩn về nhà ở của người dân bây giờ không giống với tiêu chuẩn của 10 năm về trước. Yêu cầu về nhà ở phải đạt tiêu chuẩn cao, công trình xanh, công trình tiết kiệm năng lượng. Do vậy, mấy năm gần đây, nhà ở thuộc các thành phố loại I, II của Trung Quốc bắt đầu phát triển theo hướng hoàn thiện chức năng, nâng cao chất lượng khoa học kĩ thuật, làm tốt công tác giữ nhiệt và tiết kiệm năng lượng. Mà việc ứng dụng thành thạo các sản phẩm thiết bị “xanh” như thái dương năng, đèn Led, hệ thống máy sử dụng địa nhiệt... là cơ hội tốt cho sự chuyển đổi cơ cấu của ngành bất động sản.

Đại hội Đảng XVIII Trung Quốc đã chỉ ra rằng chỉ có công nghiệp hóa mới có thể đẩy mạnh sự phát triển của ngành công nghiệp xanh. Công trình xanh nếu không phát động được công nghiệp hóa thì không thể nào có chỗ đứng trên thị trường, bởi vì giá xây dựng công trình rất cao, chính quyền địa phương không đủ sức chi trả, các doanh nghiệp bất động sản không bằng lòng thực hiện công trình xanh. Xây dựng “công trình xanh” một cách đích thực chính là phải kết hợp với công nghiệp hóa. Kết hợp nghiên cứu công trình xanh và nhà thụ động với cấu kiện đúc sẵn, sử dụng phương thức công nghiệp hóa để xây dựng “công trình xanh”, ứng dụng “kĩ thuật xanh”, “kĩ thuật thụ động” cho các cấu kiện đúc sẵn.

Nhằm đẩy mạnh ứng dụng và phổ cập các loại kĩ thuật mới, vật liệu mới, sản phẩm mới

trong lĩnh vực tiết kiệm điện năng công trình, Hiệp hội tiêu chuẩn hóa công trình xây dựng Trung Quốc mỗi năm không ngừng chọn ra các sản phẩm, kĩ thuật và công nghệ tiết kiệm năng lượng phù hợp với “công trình xanh”, “công trình cacbon thấp”, từ đó đẩy mạnh ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng “xanh” tạo ra

các sản phẩm có tính cạnh tranh cao trên thị trường cả trong và ngoài nước.

Luu Nguyệt

Nguồn: <http://www.chinajsbc.cn>

ND: Quỳnh Anh

Xu hướng trong xử lý rác thải - Bài học từ Ấn Độ

Ở Ấn Độ, lượng chất thải rắn bình quân mỗi năm tăng hơn 5%. Vì những tiêu chuẩn quản lý chất thải rắn đô thị tại nước này chưa thỏa đáng, nên Chính phủ đã ban hành những quy định mới về xử lý chất thải rắn đô thị. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn tương đối chậm. Chính vì thế, Ấn Độ đang chuyển hướng sang khu vực tư nhân. Với thị trường thu gom và xử lý trị giá 570 triệu đô la Mỹ, khu vực tư nhân đang thu hút rất nhiều sáng kiến về xử lý rác thải. Rác thải đang đem lại những cơ hội kinh doanh mới cho Ấn Độ.

Mỗi năm Ấn Độ thải ra khoảng 50 triệu tấn chất thải rắn. Chất thải đô thị mỗi năm tăng thêm 5% cùng với tốc độ phát triển đô thị và những thay đổi trong lối sống và tiêu dùng. Những tiêu chuẩn quản lý chất thải hiện hành ở Ấn Độ đã không còn phù hợp: Tỷ lệ thu gom tại các thành phố lớn đạt khoảng 70 - 90%, trong khi tại các thành phố nhỏ chưa tới 50%. Chôn lấp rác thải bừa bãi, không qua xử lý là tình trạng phổ biến ở hầu hết các thành phố của Ấn Độ. Hơn 91% số chất thải rắn được thu gom được chôn lấp ở các khu đất mở, hoặc được chất đống lộ thiên, gây ra nhiều vấn đề môi trường nghiêm trọng. Hàng năm, việc đốt hủ thủ công rác thải và các bãi chôn lấp rác thải tạo thành rất nhiều chất độc hại. Đây là việc làm cần phải ngăn chặn ngay.

Để ứng phó, Chính phủ Ấn Độ đã hình thành Các quy tắc Chất thải rắn đô thị năm 2000, ban hành những quy định áp dụng cho các thành phố trên khắp cả nước không phân biệt quy mô và số lượng dân số. Chương trình này đã đặt ra

những mục tiêu và nhiệm vụ về thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải đô thị hiệu quả hơn, đồng thời xây dựng những chương trình nâng cao nhận thức về phân loại rác thải tại nguồn nhằm tăng tỉ lệ tái chế rác thải. Tuy nhiên, công tác triển khai vẫn còn chậm do chưa phổ biến rộng rãi tới người dân, do thiếu nguồn lực tài chính, nhân sự, công tác đào tạo chưa hiệu quả, và do thiếu trách nhiệm cũng như sự hỗ trợ từ Nhà nước. Chính vì vậy, Ấn Độ hiện đang hướng đến những công cụ linh hoạt hơn gắn liền với khu vực tư nhân. Với thị trường thu gom và xử lý chất thải hiện trị giá khoảng 570 triệu đô la Mỹ, và thị trường tái chế có thể đạt từ 2,5 đến 3 tỉ đô la trong tương lai không xa, khu vực tư nhân ngày càng trở nên cuốn hút đối với ngành xử lý chất thải rắn đô thị. Giá năng lượng và nguyên liệu thô tăng cũng thúc đẩy các doanh nghiệp Ấn Độ phải dự trữ tài nguyên, coi xử lý rác thải như một cơ hội kinh doanh (Biểu đồ 1).

Trong bối cảnh nguồn lực tài chính nhằm triển khai ứng dụng những quy định này còn hạn chế, và các thành phố có thể phải nộp phạt hành chính nếu không đạt được các tiêu chuẩn mới, những quy định này đã khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân nhằm chia sẻ năng lực kỹ thuật và quản lý trong việc thiết lập một hệ thống quản lý chất thải tích hợp thông qua quan hệ hợp tác công - tư có thể đem lại lợi nhuận. Khoảng 36% số hợp đồng xử lý chất thải rắn đô thị tại Ấn Độ hiện nay có sự tham gia của khu vực tư nhân. Có nhiều mô hình tham

gia của khu vực tư nhân trong chuỗi quy trình xử lý chất thải rắn đô thị Ấn Độ, bao gồm Mô hình trả phí trong đó thành phố sẽ trả cho các công ty tư nhân xử lý chất thải rắn một khoản phí đối với mỗi tấn rác thải được thu gom, phân loại và xử lý. Đây là mô hình phổ biến nhất ở Ấn Độ. Điểm trừ của mô hình này là các công ty tư nhân không có nhiều sáng kiến trong việc giảm lượng rác thải chôn lấp, do đó lại gia tăng gánh nặng về tài chính và môi trường cho các thành phố. Gần đây, một số công ty tư nhân của Ấn Độ như Hanjer đã ký kết những hợp đồng dựa trên Mô hình không trả phí. Theo đó, các công ty tư nhân xử lý chất thải rắn đô thị được thu gom mà không thu bất cứ khoản phí nào.

Doanh thu chủ yếu được tạo ra nhờ tái chế chất thải được thu gom. Mô hình này khuyến khích giảm thiểu chất thải chôn lấp, và đòi hỏi các công ty phải có công nghệ tiên tiến, sáng tạo để thu gom và phân loại chất thải. Sự tham gia của khu vực tư nhân đã nâng cao hiệu quả xử lý chất thải và cải thiện tình hình thực hiện nhờ có sự cạnh tranh của các tổ chức có năng lực kỹ thuật, có nhiều kinh nghiệm, có trách nhiệm, linh hoạt và quản lý tốt hơn. Phản ứng nhanh nhạy, cùng với khả năng tập trung vốn, cung cấp dịch vụ tốt hơn gắn với hình ảnh doanh nghiệp của các doanh nghiệp tư nhân chính là nhân tố thành công của các doanh nghiệp này trong ngành công nghiệp xử lý chất thải.

Biểu đồ 1: Thành phần chất thải rắn đô thị tại các thành phố của Ấn Độ (%)

Dân số (triệu)	Giấy	Cao su, da và sợi tổng hợp	Kính	Kim loại	Nguyên liệu có thể tạo thành phân trộn	Vật liệu tro
0,1 - 0,5	2,91%	0,78%	0,56%	0,33%	44,57%	43,59%
0,5 - 1	2,95%	0,73%	0,56%	0,32%	40,04%	43,38%
1 - 2	4,71%	0,71%	0,46%	0,49%	38,95%	44,73%
2 - 5	3,18%	0,48%	0,48%	0,59%	56,67%	40,07%
> 5	6,43%	0,28%	0,94%	0,8%	30,84%	53,9%

Mô hình kinh doanh sáng tạo

Hanjer là một trong số ít các doanh nghiệp áp dụng Mô hình không trả phí trong xử lý chất thải rắn đô thị tại Ấn Độ. Công ty đã thành lập và điều hành thành công 24 nhà máy xử lý chất thải rắn tích hợp, với tổng công suất 4 triệu tấn/năm hoặc 11.500 tấn/ngày. Các nhà máy này đã biến chất thải rắn không nguy hại thành những sản phẩm tái chế như phân trộn, nhiên liệu tái chế từ rác thải (RDF), cát và nhựa rắn - những sản phẩm vẫn được bán trong thị trường mở.

Với mỗi một nhà máy, công ty đều ký kết một hợp đồng BOOT (Xây dựng - sở hữu - kinh doanh - chuyển giao) dài hạn (từ 20 đến 30 năm) với thành phố. Thông qua hợp đồng dài

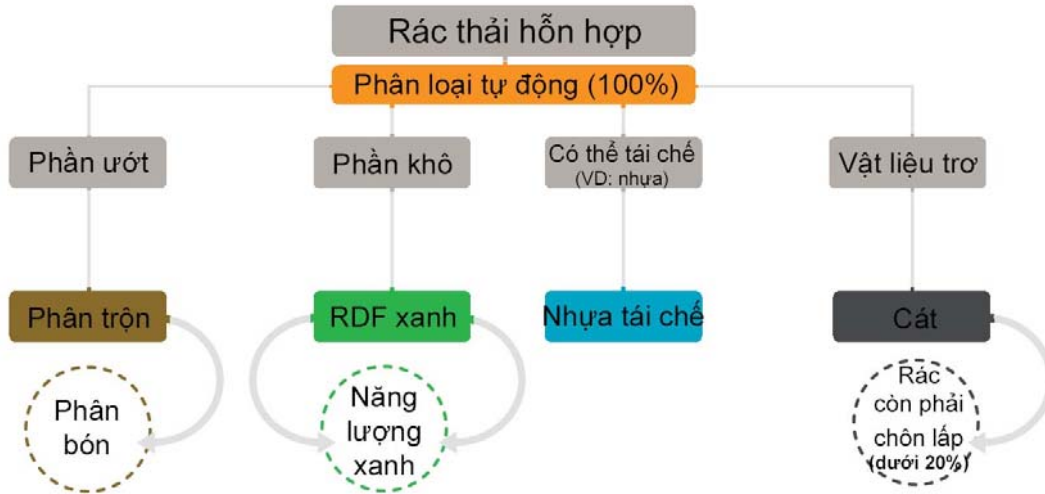
hạn, công ty có quyền thành lập và vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn, và được thành phố đảm bảo không thu phí đối với vị trí của nhà máy. Để đạt được lợi nhuận, Hanjer đã phát triển công nghệ sáng tạo nội bộ nhằm phân loại chất thải rắn thành loại khô và loại ướt, và biến chúng thành nhiều sản phẩm công nghiệp hữu dụng. Chính công nghệ tiên phong này đã giúp công ty đạt được tỉ lệ tái chế cao hơn và tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao hơn. Hanjer có thể tái chế tới 85% lượng chất thải rắn thu gom từ các thành phố. Con số này cũng chỉ đạt 65 - 70% ở Pháp, quốc gia có tỉ lệ tái chế cao nhất.

Công ty có nhiều nhà máy được đặt ở nhiều nơi với điều kiện khí hậu và thời tiết khác nhau

trên khắp Ấn Độ. Chính điều này đã tạo điều kiện để công ty hoàn thiện quy trình và công nghệ của mình. Thành công lớn nhất của Hanjer chính là có thể sản xuất ra nhiều loại

sản phẩm giá trị gia tăng với sản lượng ổn định và chất lượng cao, phù hợp với mục đích công nghiệp và thương mại (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Các sản phẩm đa dạng của Hanjer



Sản phẩm chất lượng cao

Trước đây, phân trộn là lựa chọn thay thế cho phân bón nhưng do chất lượng kém và do nguồn cung có vấn đề, nên nó không được ứng dụng rộng rãi. Do đó, Hanjer đã đầu tư vào Nghiên cứu và Phát triển (R&D) để sản phẩm phân trộn do công ty sản xuất đạt được chất lượng phù hợp. Từ năm 2006 đến năm 2008, đội ngũ marketing của công ty Hanjer đã tiến hành thí điểm sản phẩm trên ruộng của người dân, và tiếp tục tương tác với họ để nhận lại những phản hồi về sản lượng và chất lượng ruộng. Những cánh đồng thí điểm này đã tạo ra sự thay đổi đúng như mong muốn đối với sản phẩm “Phân trộn hữu cơ chất lượng cao” do công ty Hanjer sản xuất. Loại phân trộn này đem lại một vài lợi ích. Thứ nhất, nó rẻ hơn phân hóa học 40%. Thứ hai, sản lượng thu được cao hơn do số vi khuẩn trong phân trộn Hanjer đã gia tăng hiệu quả của phân bón trên ruộng. Cuối cùng, sự phân bố của Hanjer tại khắp các thành phố đã giúp công ty phân phối một lượng lớn phân trộn với chi phí vận chuyển

thấp nhất so với những nhà cung cấp khác. Nhờ có kết quả thử nghiệm tốt, nhiều công ty phân bón lớn như Tập đoàn Phân bón quốc gia Gujarat đã tìm đến Hanjer để hợp tác và kinh doanh loại phân trộn này. Ngoài ra, bộ luật được Bộ Phân bón và Hóa học Ấn Độ thông qua (quy định các công ty phân bón phải bán 3 túi phân trộn cùng với 6 túi phân bón) đã giúp Hanjer chỉ trong vòng 2 năm đã ký được hợp đồng hợp tác với 9 công ty phân bón nhằm thương mại hóa loại phân trộn này, đồng thời bán trực tiếp cho người nông dân.

Được sử dụng như một nguồn năng lượng trong nhiều ngành công nghiệp, RDF được sản xuất bằng cách nghiền và khử nước của chất thải rắn bằng công nghệ biến đổi chất thải. RDF truyền thống có tỉ lệ nhựa cao, khoảng 12 - 15%, và độ ẩm khoảng 25 - 30% với tổng giá trị calo khoảng 4.500 Kcal. Chính vì lí do này mà RDF được gọi là “siêu nhiên liệu” và giá cả không hề phải chăng. Hanjer đã tìm ra cách để tinh chế sản phẩm hơn nữa bằng cách giảm tỉ lệ nhựa xuống còn 5% và độ ẩm xuống còn

20%, biến sản phẩm thành “RDF xanh” với tỉ lệ phát thải nằm trong giới hạn cho phép vì hàm lượng nhựa của sản phẩm thấp. Nó đã trở thành loại nhiên liệu phổ biến và thay thế trực tiếp cho than, than lignit và sinh khối. Thông qua một loạt những tương tác với những khách hàng tiềm năng của loại RDF xanh này, như các xưởng may mặc, các nhà máy hóa chất và các ngành công nghiệp chế biến, Hanjer đã đưa ra được một giải pháp rẻ hơn và sạch hơn, giúp tiết kiệm tới 30% tổng chi phí cho người dùng. Đối với các ngành công nghiệp, RDF xanh không đòi hỏi bất cứ thay đổi nào từ lò hơi hiện hữu vì lignit có thể chuyển hóa trực tiếp thành RDF xanh. Vì chất thải rắn được thành phố chuyển giao miễn phí cho công ty, nên Hanjer có thêm một lợi thế của sản phẩm với “chi phí đầu vào bằng không”. Giá than, lignit và sinh khối tăng cũng là nguyên nhân cấp thiết khiến các công ty, tập đoàn khách hàng lớn của than, lignit và sinh khối trước kia phải chuyển sang sử dụng RDF xanh. Tính đến nay, các nhà máy điện và xi măng đều đã chính thức hóa kế hoạch sử dụng RDF xanh và đã cùng Hanjer đẩy lượng tiêu thụ RDF xanh từ 100 lên đến 400 tấn/ngày. Sắp tới, Hanjer dự kiến bán khoảng 50% sản lượng RDF xanh cho các tập đoàn lớn và 25% cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nhựa tái chế là sản phẩm phổ biến, được chấp nhận rộng rãi trên thị trường. Sản phẩm này được sử dụng để sản xuất khuôn nhựa, ống thoát nước, bảng màu... Với những sản phẩm kiểu này, việc sử dụng nhựa nguyên chất chất lượng cao thường đắt gấp 3 lần so với sử dụng nhựa tái chế, và cũng không cần thiết.

Thách thức và nhân tố thành công

Quy trình thu gom rác thải ở Ấn Độ không phải là quy trình tối ưu đối với các công ty xử lý. Rác thải mà những công ty này thu gom được thường chỉ là những gì mà đội ngũ khoảng 500.000 người nhặt rác bỏ lại. Do đó, những gì còn sót lại chỉ là những thứ không mấy giá trị. Cũng như vậy, rác thải gia đình của Ấn Độ cũng

kém hơn so với tiêu chuẩn của thế giới về chất lượng, và vẫn được tập trung cả trong một thùng rác chung. Chính việc không phân loại rác thải tại nguồn này đã khiến cho hoạt động tái chế trở nên khó khăn hơn. Chính vì vậy, nhiều công nghệ tiên tiến của thế giới cũng không phát huy tác dụng đối với loại rác thải này, và nhiều công ty xử lý chất thải rắn không thể đạt được kết quả mong muốn. Trong tình hình này, quan trọng là phải liên tục đầu tư vào R&D để phát triển những công nghệ sáng tạo không ngừng.

Hanjer không ngừng đầu tư vào R&D để chuyển sang những sản phẩm chất lượng cao và tiến tới những phân khúc thị trường thông dụng hơn nhằm giảm thiểu tối đa nguy cơ phân phối. Công ty đã áp dụng cách tiếp cận nhóm, nhắm tới những khách hàng ở chính những khu vực có nhà máy của công ty, giảm chi phí vận chuyển và tăng sự gần gũi và linh hoạt đối với khách hàng. Công ty cũng tăng cường mở rộng các chi nhánh ở nhiều khu vực, để giảm thiểu nguy cơ về mặt chính trị và nguy cơ đến từ các đối tác. Hanjer đã ký kết những hợp đồng xử lý chất thải rắn dài hạn, với những cam kết chắc chắn từ chính quyền thành phố nhằm đảm bảo lượng nguyên liệu thô tối thiểu. Công ty cũng đã phát triển một công nghệ nội bộ nhằm kiểm soát những công nghệ đã sử dụng, giúp giảm chi phí sản xuất xuống còn 50% trong 5 năm. Thiết bị máy móc của công ty có thể vận chuyển từ cơ sở này tới cơ sở khác trong một thời gian ngắn để đảm bảo công suất và ngày hoàn thành. Công ty có thể thành lập một nhà máy với công suất 500 tấn/ngày trong vòng chưa đầy 9 tháng. Hiện tại, Hanjer đã chứng minh được đây là công ty duy nhất với một hệ thống những nhà máy xử lý chất thải rắn có tỉ lệ xử lý đạt hơn 90%. Nhờ có mô hình được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện tình hình của Ấn Độ, Hanjer đã đem lại một lựa chọn thay thế cho các thành phố mà không đòi hỏi thù lao, giúp các thành phố giảm nhẹ gánh nặng môi

trường thông qua tỉ lệ tái chế 85%, không đòi hỏi chi phí phụ trợ đối với khu vực công. Một trong những thách thức lớn nhất đối với Hanjer là phải làm sao để duy trì được những thành quả của công ty về mặt xã hội cũng như môi trường. Hanjer đã đồng ý tuân theo những tiêu chuẩn môi trường được giám sát bởi công ty kiểm toán thứ ba. Tất cả các nhà máy của công ty đều có chứng nhận quốc tế (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OSHAS 18001:2007) và thường xuyên được ICLEI (Hiệp hội các tổ chức chính phủ quốc gia và quốc tế cam kết phát triển bền vững) và Hội đồng kiểm soát ô nhiễm Ấn Độ kiểm tra. Hanjer đã đạt được 6 giải

thưởng danh giá, như Giải Con công Vàng năm 2012 cho sáng kiến thân thiện với môi trường trong quản lý chất thải rắn. Tuy nhiên, công ty vẫn tiếp tục cải thiện để có thể đạt được các tiêu chuẩn quốc tế trong giai đoạn trung hạn. Tiếp tục đầu tư cho R&D sẽ đóng vai trò chủ đạo đối với công ty nhằm củng cố lợi thế tiên phong của công ty tại thị trường trong nước và nhân rộng mô hình tại nước ngoài.

Ts. Irfan Furniturwala

Nguồn: "Rác thải - Thách thức đối với các nước đang phát triển", Ngân hàng Thế giới

ND: Thu Huyền

Quản lý chi phí dự án bằng hệ thống lưới mạng

Các đặc tính hình thành chi phí của dự án như số lượng lớn, rủi ro nhiều... có ảnh hưởng quyết định tới công tác quản lý và kiểm soát. Nói cách khác, muốn thực hiện tốt công tác quản lý và kiểm soát, nhất thiết phải có trong tay một lượng thông tin lớn làm cơ sở, vì chỉ có nắm bắt đầy đủ và phân tích chi tiết các thông tin liên quan, thì mới có thể kiểm soát được mọi hoạt động chi phí trong quá trình thực hiện dự án. Đồng thời, đây cũng là phương hướng tất yếu hình thành nên chi phí dự án khi tham gia vào thị trường. Hiện nay, công tác quản lý định mức dự án tại Trung Quốc đã phân tách tiêu chuẩn khối lượng và giá thành hai bộ phận riêng biệt, không còn hợp nhất như trước đây. Vì vậy, việc hình thành thị trường cạnh tranh về giá là một việc làm cần thiết, căn cứ vào định mức mà Chính phủ quy định, thiết lập cơ chế quản lý chi phí dự án. Dựa vào tình hình thị trường, hình thành nên một hệ thống chi phí hợp lý, chuẩn xác hơn. Thị trường thông tin được thu thập hoàn toàn bằng phương pháp thủ công trước đây hiện nay đã không theo kịp với nhu cầu của thị trường đang ngày càng thay đổi theo xu hướng công nghệ hóa. Do vậy, công tác quản lý chi phí hiện hành cần phải được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thị trường hóa và thông tin hóa.

I. Những vấn đề và thực trạng công tác quản lý chi phí dự án

1. Quản lý theo trạng thái tĩnh khó có thể đáp ứng được thị trường biến động

Ở Trung Quốc, công tác quản lý chi phí dự án chủ yếu vẫn thực hiện theo trạng thái tĩnh, điều này được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch kinh tế. Chính quyền các địa phương công khai chỉ đạo giá vật liệu, hạn mức giá cao nhất... thông qua những quy định, định mức. Những quy định này đã phần nào phản ánh được xu hướng về giá của thị trường, đưa ra được một số khái niệm như "giá thị trường", "giá cả cạnh tranh"... , nhưng trong thị trường cạnh tranh kịch liệt, thay đổi nhanh chóng, thì những quy định này lại bộc lộ những vấn đề không thể đối phó được và chủ yếu biểu hiện ở 2 phương diện dưới đây:

1.1. Định mức

Công tác lập định mức thông thường phải thực hiện từ 2 - 3 năm, trong khi đó, khâu tham khảo giá bị hạn chế trong khoảng thời gian nhất định, nên rất khó có thể phản ánh một cách đầy đủ những biến động trong thị trường, do vậy, không thể tránh được nguy cơ tụt hậu. Đồng thời, ở một chừng mực nào đó sẽ bị mất đi tính chuẩn xác, tính khoa học và tính tham khảo. Trong điều kiện thực tế hiện tại,

phần lớn các doanh nghiệp vẫn lựa chọn một tiêu chuẩn thống nhất, định mức cứng nhắc, nên rất khó phân biệt giữa các doanh nghiệp với nhau và bản thân doanh nghiệp cũng rất khó biểu hiện ưu thế cạnh tranh của mình. Nhìn chung những doanh nghiệp thực hiện hoạt động kiểm soát chi phí chỉ dừng lại ở mặt lý thuyết, hoạt động “kiểm soát” chẳng qua cũng chỉ là ghi chép quá trình hoạt động.

1.2. Thiếu các phương án giải quyết và phương hướng thực hiện

“Luật Đấu thầu” đã nêu rõ doanh nghiệp đưa ra “giá thấp nhất sẽ trúng thầu”, tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp thi công trong quá trình tham gia đấu thầu cạnh tranh lại không thể hiện được điểm khác biệt, vượt trội của doanh nghiệp mình so với những doanh nghiệp cùng tham gia. Có doanh nghiệp, vì lý do nào đó, bỏ giá đấu thầu thấp và trúng thầu, nhưng do không đủ năng lực, nên trong quá trình thực hiện thi công đã xảy ra các hiện tượng ăn bớt vật liệu, đùn đẩy trách nhiệm, cãi vã... ảnh hưởng đến chất lượng dự án. Quy mô xây dựng ngày càng hiện đại, công tác phân công và hợp tác phức tạp hơn rất nhiều so với trước đây, do đó doanh nghiệp cần phải có một tổ chức, đội ngũ quản lý với trình độ cao hơn. Điều này chắc chắn sẽ là gánh nặng và thách thức mới trong bộ phận quản lý. Bằng cách nào thực hiện quản lý hài hòa toàn bộ dự án? Ngoài những tư tưởng quản lý tiên tiến ra, công nghệ hiện đại hóa cũng rất quan trọng và cần thiết.

2. Công tác quản lý và thu thập dữ liệu trực tiếp là trở ngại trong tiến trình kiểm soát chi phí dự án

Kiểm soát chi phí dự án là công việc đòi hỏi phải nhanh chóng và kịp thời, chuẩn xác, phản ánh đầy đủ các dữ liệu biến động trong thị trường, đồng thời, trong quá trình kiểm soát, không thể thiếu khâu phân tích lịch sử dữ liệu và tổng kết. Điều này đòi hỏi phải có một hệ thống mạng truyền dữ liệu mạnh mẽ và thống nhất. Hiện nay, đã có rất nhiều doanh nghiệp sử dụng máy tính thiết lập mạng cục bộ, nhưng việc quản lý và thu

thập dữ liệu vẫn không đáp ứng được nhu cầu kiểm soát hoạt động chi phí.

Nguyên nhân dẫn tới việc không đáp ứng nhu cầu kiểm soát có rất nhiều, nhưng điều đáng mừng là những năm gần đây, nhờ sự phát triển nhanh chóng của mạng Internet, vấn đề đã phần nào được giải quyết. Đây được xem như là bước ngoặt và là cơ hội quan trọng cần nắm bắt và thực hiện.

II. Ứng dụng mạng Internet trong công tác quản lý chi phí dự án

Kiểm soát chi phí dự án chung quy vẫn là vấn đề về quản lý. Sự xuất hiện của mạng Internet đã tạo thuận lợi cho công tác quản lý của các doanh nghiệp hiện đại. Phương pháp thu thập dữ liệu truyền thống đã bị đẩy lùi, vì hệ thống mạng đảm bảo dữ liệu được thu thập có độ chính xác cao hơn, kịp thời và đầy đủ. Ngoài ra, hệ thống mạng còn giống như “người trung gian” gắn kết doanh nghiệp thi công với các phòng ban có liên quan.

Quản lý chi phí dự án dựa trên hệ thống lưới mạng sẽ mang lại sự phát triển nhảy vọt về chất lượng, có thể thay thế cho mô hình quản lý kế hoạch theo phương pháp truyền thống trong một thị trường có nhiều biến động.

1. Việc thiết lập và phát triển hệ thống mạng tương ứng

1.1. Mạng thông tin về chi phí dự án

Thông tin chi phí dự án bao gồm những thông tin có liên quan đến pháp luật, quy định, văn bản điều chỉnh giá, báo giá, chỉ tiêu... Hiện nay đã có nhiều chính quyền địa phương thiết lập mạng thông tin về chi phí, tuy nhiên, kết quả không được như mong đợi. Chủ yếu biểu hiện ở 2 khía cạnh sau: *Một là*, hầu hết các dữ liệu trên trang web là dữ liệu cố định, không thể thay đổi, vì đó chỉ là tài liệu trên giấy được đưa lên mạng. Dữ liệu không được lập thành kho tương ứng, cũng không có hệ thống hỗ trợ tra cứu nhanh và phân tích. *Hai là*, chính quyền các địa phương không phối hợp với nhau, không thống nhất về cách thức phân loại thông tin, nên người sử dụng khó có thể trực tiếp tham khảo chỉ tiêu thông tin qua các trang web, dẫn đến không thể phân tích và so sánh. Việc

thiết lập một hệ thống mạng thông tin thống nhất về chi phí không những có lợi cho người dùng tra cứu, phân tích và đưa ra sách lược, mà còn giúp cho các cơ quan chủ quản quốc gia thực hiện quản lý một cách thống nhất và hài hòa, giúp cho công tác quản lý chi phí dự án được thống nhất, có quy mô và trình tự.

1.2. Mạng thông tin về giá vật liệu

Sự biến động của giá vật liệu có ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả dự toán và kết toán dự án, ảnh hưởng đến vai trò quyết định trong việc kiểm soát chi phí dự án. Hiện nay, phần lớn thông tin về giá vật liệu chủ yếu là cung cấp tên, quy cách..., thiếu các tham số so sánh tương ứng và thông tin về giá, chất lượng và chi tiết về sản phẩm.

2. Mạng lưới thông tin và phần mềm hỗ trợ

2.1. Mạng lưới thông tin và phần mềm quản lý chi phí

Hiện nay trên thị trường, giá những vật liệu thiết yếu trong phần mềm quản lý chi phí phần lớn được nhập vào theo hình thức thủ công, hoặc được nhập đồng bộ, hoặc được nhập đơn lẻ. Dù được nhập theo cách nào thì điều này cũng ảnh hưởng đến tiến trình báo giá, không bắt kịp với những thay đổi trên thị trường, vô hình trung đã làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Mạng thông tin và phần mềm quản lý chi phí sẽ giúp loại bỏ toàn bộ những vướng mắc này. Thông qua phần mềm quản lý chi phí, người sử dụng có thể trực tiếp truy cập và có được những thông tin chi tiết mà mình cần tại các địa phương. Bất cứ lúc nào, hệ thống cũng có thể cung cấp đầy đủ những thông tin mới nhất và chuẩn xác nhất về giá vật

liệu. Phần mềm này không những rút ngắn thời gian truy cập thông tin cho người dùng, mà còn nâng cao mục đích sử dụng.

2.2. Thông tin mạng và phần mềm kiểm soát tiến độ

Kiểm soát dự án là mục tiêu quan trọng để kiểm soát chi phí. Mà kiểm soát chi phí lại ảnh hưởng đến công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng của dự án. Biến động của thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào và phân bổ vật liệu, tạo ra những thay đổi về tiến độ dự án.

Công tác quản lý chi phí dự án là cách duy nhất để phát triển doanh nghiệp. Sự phát triển của mạng Internet sẽ giúp rút ngắn thời gian thực hiện mục tiêu này ở mức cao nhất, đồng thời, việc thiết lập và phát triển mạng Internet cũng sẽ tác động mạnh đến ngành công nghiệp xây dựng truyền thống. Để thích nghi với thời đại thông tin, cần phải xây dựng một nền tảng vững chắc. Công tác quản lý chi phí dự án không phải công tác đơn lẻ, ngược lại nó có mối quan hệ mật thiết với nhiều lĩnh vực như hợp đồng, tài vụ, vật liệu... Phải suy ngẫm và tìm hiểu vấn đề trên nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau mới có thể thực hiện thông tin hóa doanh nghiệp, kiểm soát chi phí dự án một cách hiệu quả.

Kim Vệ Hoa

Trạm Quản lý chi phí dự án xây dựng,
thành phố Lục An, tỉnh An Huy, Trung Quốc

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc,
số 7/2013*

ND: Bích Ngọc

THỨ TRƯỞNG CAO LẠI QUANG TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI LÃNH ĐẠO UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013



Thứ trưởng Cao Lại Quang và Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng Lâm Văn Mẫn tại buổi làm việc



Toàn cảnh buổi làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh Sóc Trăng